

NGHỊ QUYẾT

**Đại hội đồng cổ đông thường niên
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí năm 2019**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí ngày 23 tháng 4 năm 2019,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và Kế hoạch năm 2019, Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018, Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018, Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán với các nội dung chính như sau:

1.1 Các chỉ tiêu chủ yếu về sản xuất kinh doanh năm 2018

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ hoàn thành KH
1	Tổng doanh thu	tỷ đồng	573,22	558,27	97%
2	Tổng chi phí	tỷ đồng	558,21	542,84	97%
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	15,02	15,43	103%
4	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	12,01	16,75	139%
5	Nộp ngân sách nhà nước	tỷ đồng	8,73	7,52	86%
6	Năng suất lao động bình quân theo tổng doanh thu trừ chi phí chưa lương	triệu đồng/ng/tháng	8,746	9,180	105%
7	Lao động bình quân	người	391	381	97%
8	Tiền lương bình quân	triệu đồng/ng/tháng	5,142	5,338	104%
9	Quỹ lương người lao động	triệu đồng	24.125,00	24.405,505	101%

1.2 Tình hình chi lương cán bộ quản lý chuyên trách và chi trả phụ cấp kiêm nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Khoản mục	Kế hoạch	Thực hiện	Ghi chú
1	Lương CBQL	1.651,727	1.974,497	Tăng quỹ lương do tăng thành viên HĐQT chuyên trách, giảm quỹ thù lao do giảm thành viên HĐQT kiêm nhiệm
2	Thù lao kiêm nhiệm	258,047	158,773	

1.3 Phương án phân chia lợi nhuận sau thuế:

ĐVT: VNĐ

Lợi nhuận sau thuế	16.745.067.019
1. Trích lập Quỹ Khen thưởng - Phúc lợi (1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người lao động)	3.050.688.141
2. Thưởng hoàn thành nhiệm vụ (1,5 tháng lương, thù lao BQ thực hiện của CBQL)	266.658.750
3. Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ và thưởng hoàn thành nhiệm vụ (chia cổ tức cho các cổ đông)	13.427.720.128
Công ty Cổ phần Lọc - Hóa dầu Bình Sơn: 83,26%	11.179.919.779
Khách sạn Cẩm Thành: 3,14%	421.630.412
Nhóm cổ đông cá nhân: 13,6%	1.826.169.937

Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ: 7,663%

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

2.1. Mục tiêu:

- Tập trung xây dựng chiến lược phát triển Công ty đến năm 2026 và định hướng đến năm 2030;

- Hoàn thiện cơ cấu bộ máy quản lý Công ty phù hợp sau khi BSR thoái vốn còn 51%;

- Nâng cao chất lượng dịch vụ quản lý nhà và các dịch vụ khác nói chung hướng chuyên nghiệp, lấy chất lượng và phong cách phục vụ làm tiêu chí hàng đầu;

- Nâng cao chất lượng sản phẩm bao bì; Trong đó, trọng tâm kiểm soát tốt ở tất cả các khâu sản xuất để trở thành nhà sản xuất bao bì có uy tín trên thị trường cả nước đối với tất cả các dòng sản phẩm hiện có; tìm hiểu thị trường các nước trong khu vực để hướng đến xuất khẩu sản phẩm bao bì;

- Xây dựng kế hoạch tham gia vào thị trường phân phối: LPG, xăng, dầu trên địa bàn Quảng Ngãi và tại khu vực miền Trung; tiếp tục duy trì các hoạt động thương mại hiện có;

1000
CỘ
CỘ
N
THU
ĐẦU
7N 1

- Thường xuyên cập nhật, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, hoàn thiện hệ thống văn bản và tăng cường giám sát nội bộ;
- Triển khai chính sách đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động có trình độ chuyên môn cao nhằm thu hút nhân sự phục vụ kế hoạch phát triển của Công ty;
- Không ngừng hoàn thiện công tác tổ chức nhân sự, đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho CBCNV, bổ sung nhân sự có năng lực quản lý điều hành.

2.2 Chỉ tiêu kế hoạch năm 2019

2.2.1 Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2019
I	Chỉ tiêu tài chính		
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	185,44
2	Doanh thu	Tỷ đồng	235,030
3	Chi phí	Tỷ đồng	219,390
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15,640
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	13,920
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	7,320
II	Chỉ tiêu lao động – tiền lương		
1	Năng suất lao động BQ theo tổng doanh thu trừ chi phí chưa lương	Triệu đồng /người/tháng	8.749
2	Lao động bình quân	Người	375
3	Thu nhập tính theo lao động bình quân	Triệu đồng /người/tháng	5,489
III	Chỉ tiêu về đầu tư XDCB và mua sắm thiết bị		
1	Xây dựng nhà xưởng sản xuất Pallet gỗ	Tỷ đồng	5,0

2.2.2 Kế hoạch quỹ lương cán bộ quản lý và thù lao kiêm nhiệm năm 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Khoản mục	Số lượng	Kế hoạch	Ghi chú
1	Lương CBQL	6	2.147,173	
2	Thù lao kiêm nhiệm	2	139,771	

Hội đồng quản trị quy định mức chi tiền lương và thù lao kiêm nhiệm cho từng chức danh cụ thể theo kết quả sản xuất kinh doanh trên cơ sở quy định tại Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ Quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và Thông

tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và quy định của cấp thẩm quyền

2.2.3 Kế hoạch phân chia lợi nhuận sau thuế:

ĐVT: Triệu đồng

Lợi nhuận sau thuế	13.920,000
1. Trích lập Quỹ Khen thưởng - Phúc lợi (01 tháng lương bình quân thực hiện của người lao động)	2.058,197
2. Thưởng hoàn thành nhiệm vụ (1,5 tháng lương thực hiện bình quân của CBQL)	285,868
3. Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập được sử dụng để chia cổ tức cho các cổ đông theo tỷ lệ vốn góp	11.575,935

* Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ: 6,606%

Điều 2. Các nội dung khác:

Thông nhất:

1. Về nhân sự Hội đồng quản trị Công ty:

Tiếp tục giữ nguyên số lượng, thành phần cơ cấu Hội đồng quản trị như hiện tại; Giao Hội đồng quản trị chuẩn bị phương án nhân sự đề giới thiệu bổ sung thành viên độc lập HĐQT khi Công ty trở thành công ty niêm yết.

2. Chấp thuận về chủ trương:

- Việc thay đổi cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ cấp phòng của Công ty; giao Hội đồng quản trị triển khai theo quy định.

- Việc bố trí nhân sự giúp việc HĐQT (Người phụ trách quản trị Công ty, Thư ký Công ty); giao Hội đồng quản trị triển khai theo quy định.

3. Chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

Điều 3. Nghị quyết này được các cổ đông biểu quyết thông qua toàn văn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 với số phiếu 16.874.334/17.522.284 phiếu biểu quyết tương đương 96,30% tổng số cổ phần của Công ty, tỷ lệ 100% số cổ phần của cổ đông và đại diện cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.

Các ông/bà Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc, Trưởng cấp phòng Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, Thư ký



**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Trần Đức Hợp



Số: 01 /BB-ĐHĐCĐ-PVBLD

Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 4 năm 2019

**BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
Trụ sở chính: Khu đô thị mới Vạn Tường, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Mã số doanh nghiệp: 4300429492.

Đại hội khai mạc vào lúc 08 giờ 30 ngày 23 tháng 4 năm 2019 tại Hội trường Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (thôn Phước Hòa, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi).

Đoàn Chủ tịch Đại hội gồm có:

- Ông Trần Đức Hợp – Chủ tịch HĐQT: Chủ tọa Đại hội;
- Ông Trần Đoàn Thịnh – Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty;
- Bà Hà Thị Hoa – Thành viên HĐQT;

Thư ký Đại hội:

- Ông Lê Xuân Huy – Trưởng phòng TCHC, Thư ký Công ty;
- Bà Thái Bích Ngọc – Chuyên viên Phòng TCHC;

Thành phần tham dự:

- Đại biểu mời: Ông Võ Văn Quỳnh – Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi
- Đại diện của 02 cổ đông pháp nhân (Công ty Cổ phần Lọc – Hóa dầu Bình Sơn, Khách sạn Cẩm Thành) và các cổ đông cá nhân, tỷ lệ 96,30 % cổ phần tham dự.

Ban kiểm soát

- Bà Đỗ Thị Phương Thúy – Trưởng Ban;
- Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thành viên;
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo – Thành viên (vắng);

NỘI DUNG ĐẠI HỘI

1. Bà Đỗ Thị Phương Thúy thay mặt Ban kiểm soát báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông/đại diện đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại Đại hội, cụ thể:

Ông **Trần Đức Hợp** – Người đại diện phần vốn của BSR tại PV Building được quyền biểu quyết tại Đại hội với số phiếu biểu quyết 8.753.570 phiếu, tương đương 8.753.570 cổ phần, chiếm tỷ lệ 49,96 % số cổ phần có quyền biểu quyết của Đại hội

(Văn bản ủy quyền số: 2026/BSR-HĐQT ngày 22/4/2019 của Hội đồng quản trị Công ty BSR).

Ông **Trần Đoàn Thịnh** – Người đại diện phần vốn của BSR tại PV Building được quyền biểu quyết tại Đại hội với số phiếu biểu quyết 5.835.714 phiếu tương đương 5.835.714 cổ phần, chiếm tỷ lệ 33,30 % số cổ phần có quyền biểu quyết của Đại hội (Văn bản ủy quyền số: 2026/BSR-HĐQT ngày 22/4/2019 của Hội đồng quản trị Công ty BSR).

Bà **Phạm Thị Hồng Hạnh** - Người đại diện phần vốn của Khách sạn Cẩm Thành được quyền biểu quyết tại Đại hội với số phiếu biểu quyết: 550.000 phiếu tương đương 550.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 3,14% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội (Văn bản cử người đại diện số 2721-VP/TU ngày 23/4/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi).

Bà **Hà Thị Hoa** - Người đại diện ủy quyền của 26 cổ đông cá nhân được quyền biểu quyết tại Đại hội với số phiếu biểu quyết: 1.499.600 phiếu tương đương 1.499.600 cổ phần chiếm tỷ lệ 8,56 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Bà **Đoàn Thị Minh Hằng** có số phiếu biểu quyết: 162.700 phiếu tương đương 162.700 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,93 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Ông **Huỳnh Việt Cường** có số phiếu biểu quyết: 72.750 phiếu tương đương 72.750 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,42 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Tỷ lệ cổ đông và đại diện cổ đông có mặt tại Đại hội đạt 96,30% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty – đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

2. Ông Trần Đức Hợp – Chủ tịch HĐQT thay mặt Đoàn chủ tịch phát biểu khai mạc Đại hội và trình bày Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018 (có Báo cáo đính kèm).

3. Ông Trần Xuân Thu – Phó Giám đốc Công ty thay mặt Ban điều hành trình bày Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018, kế hoạch SXKD năm 2019 (có Báo cáo đính kèm).

4. Ông Huỳnh Việt Cường – Kế toán trưởng, trình bày Báo cáo kiểm toán độc lập thừa ủy nhiệm của Công ty TNHH Deloitte (có Báo cáo đính kèm).

5. Bà Đỗ Thị Phương Thúy – Trưởng Ban kiểm soát trình bày Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018; trình Đại hội về việc lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán độc lập năm 2019 là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (có Báo cáo đính kèm).

6. Bà Hà Thị Hoa – Thành viên HĐQT trình bày Tờ trình của HĐQT xin ý kiến cổ đông về Tiền lương của cán bộ quản lý, Thù lao kiêm nhiệm và Phương án phân chia lợi nhuận sau thuế (có Tờ trình kèm theo).

7. Nội dung cơ bản của các báo cáo:

7.1. Kết quả SXKD năm 2018:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ hoàn thành KH
1	Tổng doanh thu	tỷ đồng	573,22	558,27	97%

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ hoàn thành KH
2	Tổng chi phí	tỷ đồng	558,21	542,84	97%
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	15,02	15,43	103%
4	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	12,01	16,75	139%
5	Nộp ngân sách nhà nước	tỷ đồng	8,73	7,52	86%
6	Lao động bình quân (chưa bao gồm LĐTV)	người	338	328	97%
	Lao động bình quân (đã bao gồm LĐTV)		391	381	97%
7	Tiền lương bình quân (chưa bao gồm LĐTV)	triệu đồng	5,446	5,685	104%
	Tiền lương bình quân (đã bao gồm LĐTV)		5,142	5,338	104%
8	Năng suất lao động bình quân theo tổng doanh thu trừ chi phí chưa lương (chưa bao gồm LĐTV)	triệu đồng	9,620	10,147	105%
	Năng suất lao động bình quân theo tổng doanh thu trừ chi phí chưa lương (đã bao gồm LĐTV)		8,746	9,180	105%
9	Quỹ lương người lao động (chưa bao gồm LĐTV)	triệu đồng	22.088,96	22.375,464	101%
	Quỹ lương người lao động (đã bao gồm LĐTV)		24.125,00	24.405,505	101%

7.2 Tình hình chi lương cán bộ quản lý chuyên trách và chi trả phụ cấp kiêm nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Khoản mục	Kế hoạch	Thực hiện	Ghi chú
1	Lương CBQL	1.651,727	1.974,497	Tăng quỹ lương do tăng thành viên HĐQT chuyên trách, giảm quỹ thù lao do giảm thành viên HĐQT kiêm nhiệm
2	Thù lao kiêm nhiệm	258,047	158,773	

7.3 Phương án phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2018:

ĐVT: VNĐ

Lợi nhuận sau thuế	16.745.067.019
1. Trích lập Quỹ Khen thưởng - Phúc lợi (1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người lao động)	3.050.688.141
2. Thưởng hoàn thành nhiệm vụ (1,5 tháng lương, thù lao BQ thực hiện của CBQL)	266.658.750
3. Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ và thưởng hoàn thành nhiệm vụ (chia cổ tức cho các cổ đông)	13.427.720.128
Công ty cổ phần Lọc - Hóa dầu Bình Sơn: 83,26%	11.179.919.779
Khách sạn Cẩm Thành: 3,14%	421.630.412
Nhóm cổ đông cá nhân: 13,6%	1.826.169.937

Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ: 7,663%

7.4 Kế hoạch SXKD năm 2019

7.4.1. Mục tiêu:

- Tập trung xây dựng chiến lược phát triển Công ty đến năm 2026 và định hướng đến năm 2030;

- Hoàn thiện cơ cấu bộ máy quản lý Công ty phù hợp sau khi BSR thoái vốn còn 51%;

- Nâng cao chất lượng dịch vụ quản lý nhà và các dịch vụ khác nói chung hướng chuyên nghiệp, lấy chất lượng và phong cách phục vụ làm tiêu chí hàng đầu;

- Nâng cao chất lượng sản phẩm bao bì; Trong đó, trọng tâm kiểm soát tốt ở tất cả các khâu sản xuất để trở thành nhà sản xuất bao bì có uy tín trên thị trường cả nước đối với tất cả các dòng sản phẩm hiện có; tìm hiểu thị trường các nước trong khu vực để hướng đến xuất khẩu sản phẩm bao bì;

- Xây dựng kế hoạch tham gia vào thị trường phân phối: LPG, xăng, dầu trên địa bàn Quảng Ngãi và tại khu vực miền Trung; tiếp tục duy trì các hoạt động thương mại hiện có;

- Thường xuyên cập nhật, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, hoàn thiện hệ thống văn bản và tăng cường giám sát nội bộ;

- Triển khai chính sách đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động có trình độ chuyên môn cao nhằm thu hút nhân sự phục vụ kế hoạch phát triển của Công ty;

- Không ngừng hoàn thiện công tác tổ chức nhân sự, đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho CBCNV, bổ sung nhân sự có năng lực quản lý điều hành.

294
BT
HÀ
IA
JNK
KI
T.C

7.4.2. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2019:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2019
I	Chỉ tiêu tài chính		
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	185,44
2	Doanh thu	Tỷ đồng	235,030
3	Chi phí	Tỷ đồng	219,390
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15,640
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	13,920
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	7,320
II	Chỉ tiêu lao động – tiền lương		
1	Năng suất lao động BQ theo tổng doanh thu trừ chi phí chưa lương	Triệu đồng /người/tháng	8.749
2	Lao động bình quân	Người	375
3	Thu nhập tính theo lao động bình quân	Triệu đồng /người/tháng	5,489
III	Chỉ tiêu về đầu tư XDCB và mua sắm thiết bị		
1	Xây dựng nhà xưởng sản xuất Pallet gỗ	Tỷ đồng	5,0

7.5. Kế hoạch chi lương người đại diện và chi trả phụ cấp kiêm nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Khoản mục	Số lượng	Kế hoạch	Ghi chú
1	Lương CBQL	6	2.147,173	
2	Thù lao kiêm nhiệm	2	139,771	

7.6. Kế hoạch phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2019:

ĐVT: Triệu đồng

Lợi nhuận sau thuế	13.920,000
1. Trích lập Quỹ Khen thưởng - Phúc lợi (01 tháng lương bình quân thực hiện của người lao động)	2.058,197
2. Thưởng hoàn thành nhiệm vụ (1,5 tháng lương thực hiện bình quân của CBQL)	285,868
3. Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập được sử dụng để chia cổ tức cho các cổ đông theo tỷ lệ vốn góp	11.575,935

* Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ: 6,606%

7.7. Một số nội dung khác:

Thông nhất:

- Về nhân sự Hội đồng quản trị Công ty:

Tiếp tục giữ nguyên số lượng, thành phần cơ cấu Hội đồng quản trị như hiện tại; Giao Hội đồng quản trị chuẩn bị phương án nhân sự để giới thiệu bổ sung thành viên độc lập HĐQT khi Công ty trở thành công ty niêm yết.

- Chấp thuận về chủ trương:

+ Việc thay đổi cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ cấp phòng của Công ty; giao Hội đồng quản trị triển khai theo quy định.

+ Việc bố trí nhân sự giúp việc HĐQT (Người phụ trách quản trị Công ty, Thư ký Công ty); giao Hội đồng quản trị triển khai theo quy định.

- Chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

8. Phát biểu của đại diện các cổ đông:

Ông Trần Đoàn Thịnh – Phó Tổng giám đốc Công ty BSR:

- Ghi nhận những đóng góp của tập thể cán bộ và người lao động toàn Công ty trong thời gian qua;

- Gợi ý một số nội dung liên quan đến việc xây dựng chiến lược phát triển Công ty trong thời gian đến.

9. Ông Lê Xuân Huy – Thư ký Đại hội trình bày toàn văn dự thảo Nghị quyết.

(có dự thảo Nghị quyết kèm theo)

10. Ông Trần Đức Hợp – Điều hành phần biểu quyết thông qua Nghị quyết.

Kết quả biểu quyết với số phiếu: 16.874.334/17.522.284 phiếu biểu quyết tương đương 96,30% tổng số cổ phần của Công ty, tỷ lệ 100% số cổ phần của cổ đông và đại diện cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.

Đại hội bế mạc vào lúc 15 giờ 30 ngày 23 tháng 4 năm 2019.

Biên bản Đại hội gồm có 06 trang được lập thành 02 bản, lưu Văn thư Công ty 01 bản, Thư ký Công ty 01 bản; Biên bản được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty (www.pvbuilding.com.vn).

THƯ KÝ ĐẠI HỘI


Lê Xuân Huy

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI





CHỦ TỊCH

Trần Đức Hợp

BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Năm 2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cơ bản vẫn giữ các lĩnh vực chủ yếu: lĩnh vực dịch vụ hậu cần phục vụ cho NMI.D Dung Quất tiếp tục được xác định là nhiệm vụ cốt lõi; lĩnh vực sản xuất kinh doanh bao bì có sự cạnh tranh về thị trường tiêu thụ, một số khách hàng truyền thống gặp khó khăn trong việc sản xuất kinh doanh mặt hàng chính (tinh bột sắn); lĩnh vực hoạt động kinh doanh thương mại tuy có nhiều biến động song vẫn tiếp tục được duy trì.

Với sự năng động của tập thể HĐQT và Ban điều hành, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể người lao động kết hợp với sự quan tâm, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi của các cổ đông, nhất là Cổ đông BSR (cổ đông chi phối) nên kết quả SXKD của Công ty cơ bản đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

Phần thứ nhất
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2018

I. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ hoàn thành KH
1	Tổng doanh thu	tỷ đồng	573,22	558,27	97%
2	Tổng chi phí	tỷ đồng	558,21	542,84	97%
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	15,02	15,43	103%
4	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	12,01	16,75	139%
5	Nộp ngân sách nhà nước	tỷ đồng	8,73	7,52	86%
6	Lao động bình quân (chưa bao gồm LĐTV)	người	338	328	97%
	Lao động bình quân (đã bao gồm LĐTV)		391	381	97%
7	Tiền lương bình quân (chưa bao gồm LĐTV)	triệu đồng/ng/tháng	5,446	5,685	104%
	Tiền lương bình quân (đã bao gồm LĐTV)		5,142	5,338	104%

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ hoàn thành KH
8	Năng suất lao động bình quân theo tổng doanh thu trừ chi phí chưa lương (chưa bao gồm LĐTĐ)	triệu đồng/ng/tháng	9,620	10,147	105%
	Năng suất lao động bình quân theo tổng doanh thu trừ chi phí chưa lương (đã bao gồm LĐTĐ)		8,746	9,180	105%
9	Quỹ lương người lao động (chưa bao gồm LĐTĐ)	triệu đồng	22.088,96	22.375,464	101%
	Quỹ lương người lao động (đã bao gồm LĐTĐ)		24.125,00	24.405,505	101%

II. Kết quả công tác của HĐQT

1. Hoạt động của HĐQT:

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện quyền lợi cho các cổ đông, trong năm 2018, HĐQT với 03 thành viên (01 Chủ tịch, 01 thành viên kiêm Giám đốc và 01 thành viên chuyên trách), HĐQT đã vượt qua mọi khó khăn thách thức, hoàn thành tốt nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao, từng bước xây dựng Công ty ngày càng ổn định về tổ chức, sản xuất kinh doanh hiệu quả, đảm bảo là đơn vị hậu cần uy tín của BSR; đồng thời phát triển các lĩnh vực liên quan theo định hướng của BSR.

HĐQT đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 23/4/2018. Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty, HĐQT đã họp, thảo luận và ra Nghị quyết/Quyết định kịp thời về các vấn đề quan trọng, các định hướng lớn của Công ty, cụ thể:

Tổ chức 06 cuộc họp HĐQT trong năm 2018. Các cuộc họp HĐQT đều được chuẩn bị đầy đủ về nội dung, đảm bảo trình tự, nguyên tắc theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. HĐQT còn tổ chức họp thông qua hình thức văn bản 04 lần để lấy ý kiến các thành viên HĐQT. Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị đã ban hành 07 nghị quyết, 08 quyết định với các nội dung chủ yếu tập trung hoàn thiện nâng cao các mặt quản lý điều hành, từng bước xây dựng Công ty ngày càng ổn định về tổ chức và sản xuất kinh doanh hiệu quả.

1.2 Tiếp tục triển khai công tác tái cơ cấu theo chỉ đạo của Tập đoàn và BSR, Công ty đã hoàn thiện hồ sơ đăng ký và được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của PV Building – Mã chứng khoán: PBT (Quyết định số 835/QĐ-SGDHN ngày 28/12/2018) trên thị trường giao dịch Upcom tại HNX.

Ngày 18/01/2019 là ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu PBT; số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch là 17.522.284 cổ phiếu; giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 13.100 đồng/cổ phiếu.

2. Công tác giám sát hoạt động của bộ máy điều hành

Phương thức giám sát hoạt động của bộ máy điều hành

- HĐQT đã tiến hành giám sát tính hiệu quả và phù hợp trong hoạt động của Ban điều hành thông qua việc trao đổi, thảo luận, chất vấn Giám đốc Công ty và Ban điều hành tại các cuộc họp HĐQT; đảm bảo các chính sách và định hướng hoạt động tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

- Trên cơ sở Ban điều hành báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và đề xuất kiến nghị tại các kỳ họp định kỳ, HĐQT đã xem xét, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh từng Quý và đề ra kế hoạch thực hiện cho từng giai đoạn; đồng thời tạo mọi điều kiện cho Ban điều hành triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT và các nội dung công việc thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Công ty.

- Trong năm 2019, các nội dung liên quan đến vấn đề đào tạo về quản trị Công ty nhằm nâng cao chất lượng, kiến thức và kỹ năng của cán bộ quản lý sẽ được chú trọng nâng cao hơn nữa. Vấn đề tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, đánh giá năng lực lãnh đạo của bộ máy điều hành dựa trên các tiêu chí cụ thể sẽ được đưa vào Quy chế Quản trị Công ty hiện đang được dự thảo và sẽ được ban hành trong thời gian đến.

Nhận xét đánh giá hoạt động của bộ máy điều hành

Căn cứ vào Báo cáo của Giám đốc về kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh, HĐQT ghi nhận kết quả hoạt động của bộ máy điều hành như sau:

2.1 Những việc đã làm được:

Trong năm 2018, Giám đốc Công ty và Ban điều hành đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao trong sự tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và các quy chế hoạt động của Công ty.

Dưới sự chỉ đạo của Giám đốc, Công ty đã đạt được các mục tiêu kinh doanh được đề ra tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018. Các chủ trương của ĐHCĐ và HĐQT đã được Giám đốc và Ban điều hành Công ty triển khai; Công tác tài chính, kế toán, thống kê, kế hoạch, quản trị chi phí đã được chú trọng, tài sản và tiền vốn của Công ty được quản lý chặt chẽ.

Căn cứ vào tình hình thực tế và định hướng phát triển, Giám đốc và Ban điều hành đã có những giải pháp hợp lý, mở rộng quy mô, ngành nghề SXKD của Công ty; chủ động tìm hiểu, nghiên cứu, sản xuất các loại sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng, mở ra hướng tiếp cận các thị trường mới.

Ban điều hành đã chỉ đạo các Phòng chức năng chú trọng kiểm tra, kiểm soát chất lượng sản phẩm theo từng công đoạn, gắn trách nhiệm về chất lượng sản phẩm tới từng

bộ phận sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008; nghiên cứu ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực sản xuất, đặc biệt là hệ thống thiết bị, máy móc của Phân xưởng sản xuất Bao bì nhằm nâng cao năng lực sản xuất, giảm tiêu hao nguyên nhiên liệu, chi phí sản xuất – vận hành.

Các dịch vụ hậu cần phục vụ cho Nhà máy Lọc dầu Dung Quất nói riêng và các đơn vị trong và ngoài ngành Dầu khí nói chung luôn được chú trọng về chiều sâu, chất lượng cũng như tính chuyên nghiệp của dịch vụ; khẳng định vị trí là một trong những đối tác chiến lược của Công ty Cổ phần Lọc – hóa dầu Bình Sơn.

Ban điều hành đã phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong Công ty đồng tâm hiệp lực gây dựng một khối đoàn kết, thống nhất tuyệt đối trong tập thể đơn vị; chỉ đạo các bộ phận luôn quan tâm sâu sắc và chăm lo chu đáo cho đời sống cán bộ công nhân viên trong Công ty; tạo cơ chế khuyến khích người lao động phát huy tinh thần sáng tạo, nhiệt huyết trong công việc, tham gia tích cực và có đóng góp đáng kể cho các hoạt động từ thiện, đền ơn đáp nghĩa...

Bộ máy tổ chức của Công ty được củng cố và hoàn thiện phù hợp với mô hình của Công ty, nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh. Đội ngũ cán bộ được rà soát, xem xét, bố trí theo chuyên môn được đào tạo. Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ được thực hiện đúng quy định.

Ban điều hành nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành hoạt động SXKD; đồng thời tham mưu và ban hành các văn bản quản lý nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả các lĩnh vực hoạt động của Công ty; Thực hiện tốt được vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành.

Các chế độ, chính sách đối với người lao động được Công ty thực hiện nghiêm túc. Công tác thi đua khen thưởng đã kịp thời động viên cá nhân và tập thể có thành tích tốt, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.2 Những việc còn hạn chế, khuyết điểm:

Bên cạnh những việc làm được đã nêu, HĐQT nhận thấy bộ máy điều hành vẫn còn một số việc chưa được giải quyết triệt để; cụ thể là:

- Công tác xây dựng chiến lược Công ty cần được quan tâm thích đáng hơn.
- Một số dự kiến trong lĩnh vực đầu tư mua sắm chưa thực hiện được.
- Công tác nghiên cứu phát triển, sáng kiến cải tiến hợp lý hóa sản xuất bao bì nhằm tạo ra sản phẩm có chất lượng hơn phù hợp với năng lực sản xuất và nhu cầu thị trường cần phải được đầu tư hơn nữa.
- Công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn của người lao động cần chú trọng để đáp ứng kịp thời nhu cầu phát sinh.

Phần thứ hai
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2019

I. Mục tiêu

- Tập trung xây dựng chiến lược phát triển Công ty đến năm 2026 và định hướng 2030;
- Hoàn thiện cơ cấu bộ máy quản lý Công ty phù hợp sau khi BSR thoái vốn còn 51%;
- Nâng cao chất lượng dịch vụ quản lý nhà và các dịch vụ hậu cần khác theo hướng ngày càng chuyên nghiệp, lấy chất lượng và phong cách phục vụ làm tiêu chí hàng đầu;
- Nâng cao chất lượng sản phẩm bao bì, kiểm soát tốt ở tất cả các khâu sản xuất để trở thành nhà sản xuất bao bì có uy tín trên thị trường cả nước đối với tất cả các dòng sản phẩm hiện có; tìm hiểu thị trường các nước trong khu vực để hướng đến xuất khẩu sản phẩm bao bì;
- Xây dựng kế hoạch việc tham gia vào thị trường phân phối: LPG, xăng, dầu trên địa bàn Quảng Ngãi và tại khu vực miền Trung, tiếp tục duy trì các hoạt động thương mại hiện có;
- Thường xuyên cập nhật, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, kiện toàn hệ thống văn bản pháp lý và tăng cường giám sát nội bộ;
- Triển khai chính sách đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động có trình độ chuyên môn cao nhằm thu hút nhân sự phục vụ kế hoạch phát triển của Công ty;
- Không ngừng hoàn thiện công tác tổ chức nhân sự, đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho CBCNV, bổ sung nhân sự có năng lực quản lý điều hành.

II. Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu

1. Các chỉ tiêu năm 2019

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2019
I	Chỉ tiêu tài chính		
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	185,44
2	Doanh thu	Tỷ đồng	235,030
3	Chi phí	Tỷ đồng	219,390
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15,640
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	13,920
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	7,320

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2019
II	Chỉ tiêu lao động – tiền lương		
1	Năng suất lao động BQ theo tổng doanh thu trừ chi phí chưa lương	Triệu đồng/ng /tháng	8,749
2	Lao động bình quân	Người	375
3	Thu nhập tính theo lao động bình quân	Triệu đồng /người/tháng	5,489
III	Chỉ tiêu về đầu tư XDCB và mua sắm thiết bị		
1	Xây dựng nhà xưởng sản xuất Pallet gỗ	Tỷ đồng	5,0

III. Nhiệm vụ chủ yếu

Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị do Điều lệ Công ty quy định, trên cơ sở những định hướng phát triển; trong năm 2019, HĐQT xác định sẽ tập trung một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

1- Bổ sung điều chỉnh Đề án tái cơ cấu Công ty phù hợp với tình hình và điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm đến; tập trung tìm kiếm đối tác để chuẩn bị tốt cho việc thoái vốn của BSR.

2- Kiện toàn hệ thống văn bản quản lý nội bộ; duy trì công tác kiểm tra, giám sát Ban điều hành, các phòng và tương đương của Công ty trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

3- Triển khai tìm kiếm, tận dụng các cơ hội để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và chỉ đạo định hướng của cấp có thẩm quyền; tập trung chỉ đạo Ban điều hành thực hiện tốt một số nội dung cơ bản sau:

- Chuẩn bị tốt các điều kiện về nhân sự, chuyên môn, cơ sở vật chất để tham gia đấu thầu và triển khai thực hiện đạt hiệu quả các gói thầu cung cấp dịch vụ cho BSR;

- Tăng cường công tác tìm kiếm thị trường và đa dạng hóa sản phẩm bao bì phù hợp với nhu cầu thị trường và điều kiện sản xuất của Công ty;

- Rà soát các lĩnh vực hoạt động hiện có của Công ty trên cơ sở tăng cường các lĩnh vực đang có hiệu quả, cải thiện các lĩnh vực có hiệu quả thấp, tái cơ cấu và sắp xếp lại những lĩnh vực kém hiệu quả.

- Rà soát điều chỉnh cơ cấu tổ chức và nhân sự theo hướng tinh gọn về tổ chức, bố trí, sắp xếp sử dụng đúng năng lực nhân sự cụ thể phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2019 và những năm tiếp theo.

4- Trực tiếp chỉ đạo và góp ý với Ban điều hành đối với một số vấn đề quan trọng

5- Phối hợp với Chi ủy chỉ đạo các đoàn thể trong Công ty phát động người lao động tích cực thi đua lao động góp phần hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2019.

Phần thứ ba MỘT SỐ KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

Nhằm đảm bảo tốt các điều kiện triển khai thực hiện hiệu quả những nhiệm vụ đặt ra trong năm 2019 và những năm tiếp theo; Hội đồng quản trị kính đề nghị các cổ đông tiếp tục hỗ trợ Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh với việc ưu tiên sử dụng các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của Công ty tạo điều kiện để Công ty tham gia cung cấp các dịch vụ theo nguyên tắc chất lượng, công khai, minh bạch và cạnh tranh.

Hiện tại, Công ty đã là công ty đại chúng quy mô lớn có cổ phiếu giao dịch trên sàn Upcom; trong năm 2019 tiếp tục thực hiện lộ trình thoái vốn của BSR tại PV Building để công tác quản trị, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thuận lợi, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận một số nội dung cụ thể sau:

1. Về nhân sự Hội đồng quản trị Công ty:

Khoản 4 và khoản 5, Điều 13, Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty đại chúng (có hiệu lực từ 1/8/2017) quy định:

“4. Trường hợp công ty đại chúng chưa niêm yết hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo ít nhất 1/5 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị của công ty đại chúng có ít hơn 05 người, công ty phải đảm bảo có 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.

5. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.”

Hiện tại khoản 1 và khoản 2 Điều 23 Điều lệ Công ty hiện hành quy định:

“1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Số thành viên Hội đồng quản trị độc lập tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.”

Quy định này phù hợp khi Công ty là công ty đại chúng niêm yết (Khoản 5 Điều 13 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP

Hiện nay Công ty chưa đủ điều kiện niêm yết, cổ phiếu Công ty hiện được chấp thuận đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch Upcom tại HNX với Mã chứng khoán: PBT (*Quyết định số 835/QĐ-SGDHN ngày 28/12/2018 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội*); ngoài ra, BSR đang có kế hoạch thoái vốn tại PV Building nên thời gian đến cơ cấu và tỷ lệ nắm giữ vốn của các cổ đông tại PV Building sẽ có nhiều thay đổi.

Hiện tại Hội đồng quản trị 03 người (02 người đại diện của BSR, 01 đại diện của nhóm cổ đông cá nhân), chưa có thành viên độc lập HĐQT;

Đề xuất, tiếp tục giữ nguyên số lượng, thành phần cơ cấu Hội đồng quản trị như hiện tại; giao Hội đồng quản trị chuẩn bị phương án nhân sự để giới thiệu Đại hội đồng cổ đông quyết định bổ sung thành viên độc lập HĐQT khi Công ty trở thành công ty niêm yết.

2. Về cơ cấu tổ chức Công ty:

Trên cơ sở tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian đến; Giám đốc Công ty có đề nghị sửa đổi bổ sung cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ cấp phòng trực thuộc Công ty, trong đó thành lập thêm 01 đơn vị cấp phòng có chức năng xây lắp sửa chữa công trình.

Đề xuất Đại hội đồng cổ đông chấp thuận giao Hội đồng quản trị xem xét, chỉ đạo Giám đốc lập đề án cụ thể trình Hội đồng quản trị phê duyệt nội dung này.

3. Về nhân sự giúp việc HĐQT:

Chấp thuận bổ sung 01 nhân sự Phụ trách quản trị Công ty, tiếp tục giữ 01 nhân sự Thư ký Công ty kiêm nhiệm; giao Chủ tịch HĐQT chọn đề xuất để HĐQT quyết định nhân sự cụ thể.

Hội đồng quản trị kính trình và xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên: HĐQT, BKS;
- Lưu VT, Thư ký.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Đức Hợp

BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018,
KẾ HOẠCH VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2019

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty.

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-PVBLD ngày 23/4/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí năm 2018, Ban điều hành Công ty báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018, kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm năm 2019 với nội dung cụ thể như sau:

PHẦN 1:
KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

1. Khái quát những thuận lợi, khó khăn trong triển khai kế hoạch năm 2018

- *Thuận lợi:* Trong năm 2018, Công ty đã hoàn thành thủ tục và được cơ quan thẩm quyền chấp thuận cho hưởng chế độ ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (10%) đối với lĩnh vực sản xuất kinh doanh sản phẩm bao bì. Chế độ ưu đãi này không những áp dụng kể từ năm 2017 đến hết năm 2025 mà còn được hoàn thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất ưu đãi đối với hoạt động sản xuất bao bì các năm 2015 và 2016.

- *Khó khăn:* Hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bao bì đang bị áp lực cạnh tranh rất lớn bởi các doanh nghiệp cùng ngành, bên cạnh đó, Tổng công ty Fococev hiện là khách hàng lớn nhất của Công ty (*bình quân hơn 3 triệu bao/năm*) bị giảm sản lượng sản xuất do giá sản trong nước tăng cao kéo theo sản lượng tiêu thụ bao nông sản của Công ty cũng bị giảm đáng kể.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ hoàn thành KH
1	Tổng doanh thu, thu nhập	tỷ đồng	573,22	558,27	97%
2	Tổng chi phí	tỷ đồng	558,21	542,84	97%
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	15,02	15,43	103%
4	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	12,01	16,75	139%
5	Nộp ngân sách nhà nước	tỷ đồng	8,73	7,52	86%

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ hoàn thành KH
6	Lao động bình quân (chưa bao gồm LĐTV)	người	338	328	97%
	Lao động bình quân (đã bao gồm LĐTV)		391	381	97%
7	Tiền lương bình quân (chưa bao gồm LĐTV)	triệu đồng	5,446	5,685	104%
	Tiền lương bình quân (đã bao gồm LĐTV)		5,142	5,338	104%
8	Năng suất lao động bình quân theo tổng doanh thu trừ chi phí chưa lương (chưa bao gồm LĐTV)	triệu đồng	9,620	10,147	105%
	Năng suất lao động bình quân theo tổng doanh thu trừ chi phí chưa lương (đã bao gồm LĐTV)		8,746	9,180	105%
9	Quỹ lương người lao động (chưa bao gồm LĐTV)	triệu đồng	22.088,96	22.375,464	101%
	Quỹ lương người lao động (đã bao gồm LĐTV)		24.125,00	24.405,505	101%

3. Đặc điểm từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh

3.1. Sản xuất kinh doanh bao bì:

Sản lượng tiêu thụ thực hiện năm 2018:

Đơn vị tính: Triệu bao

TT	Sản phẩm	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ hoàn thành KH
1	Bao nông sản	4,32	3,80	88%
2	Bao chứa hạt nhựa PP	6,60	7,11	108%
3	Mành PP bao xi măng	0,36	4,25	-

- Dòng bao chứa hạt nhựa PP cho NMLD Dung Quất được duy trì ổn định với chất lượng ngày càng nâng cao, mang lại lợi nhuận tốt cho Công ty, sản lượng tiêu thụ đạt 108% so với kế hoạch năm.

- Tình hình tiêu thụ bao nông sản trong năm đạt 88% so với kế hoạch. Sản lượng tiêu thụ bao nông sản không đạt kế hoạch do khách hàng lớn nhất (bình quân hơn 3 triệu bao/năm) là hệ thống nhà máy sản xuất bột mỳ thuộc Tổng công ty Fococev bị giảm sản

lượng sản xuất do giá sản trong nước tăng cao nên sản lượng tiêu thụ bao nông sản của Công ty cũng bị giảm đáng kể.

- Sản lượng tiêu thụ bao xi măng năm nay cao vượt bậc so với kế hoạch, thành phẩm sản xuất chủ yếu là cuộn mảnh không in.

3.2. Thương mại:

TT	Sản phẩm thương mại	Đvt	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ hoàn thành KH
1	Hạt nhựa PP	Tấn	14.400	11.346	79%
2	Pallet	Cái	120.000	140.218	117%

- Hoạt động thương mại tiếp tục được triển khai tốt; các hợp đồng phân phối sản phẩm ký kết với các đầu mối tiêu thụ uy tín được triển khai chặt chẽ, đảm bảo tiến độ, hiệu quả, an toàn vốn.

- Tiêu thụ Pallet gỗ trong năm 2018 đạt 117% kế hoạch cung cấp cho NMLD Dung Quất và Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn.

3.3. Dịch vụ hậu cần:

Mảng dịch vụ hậu cần luôn được Công ty ưu tiên các nguồn lực để phát triển theo chiều sâu, tạo lập uy tín và thương hiệu riêng:

- Công tác quản lý nhà ở được triển khai theo hợp đồng đã ký với BSR. Các hoạt động liên quan như an ninh, vệ sinh, môi trường, PCCC, giám sát thực hiện nội quy nhà ở... được thực hiện thường xuyên. Việc bố trí, sắp xếp nhà ở CBCNV được tổ chức phù hợp hơn, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng, tránh lãng phí.
- Dịch vụ đưa đón Lãnh đạo và CBCNV NMLD Dung Quất ngày càng chuyên nghiệp với phương tiện và đội ngũ lái xe được đầu tư và đào tạo bài bản.
- Dịch vụ giặt ủi hoạt động tốt, Công ty đã trang bị nhiều vật tư, công cụ dụng cụ nhằm chuyên nghiệp hơn trong việc tiếp nhận, phân loại, bàn giao BHLĐ cho CBCNV NMLD Dung Quất.
- Dịch vụ chăm sóc cây xanh, vệ sinh và xử lý côn trùng ngoài tạo lợi nhuận cho công ty còn mang lại cảnh quan, môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn cho NMLD Dung Quất và các khu tập thể.

4. Lĩnh vực đầu tư, mua sắm tài sản

TT	Đầu tư và mua sắm tài sản	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018
1	Phòng họp Công ty, trang trí hội trường	Tỷ đồng	1,5	-
2	Nghiên cứu đầu tư dự án Kho chứa và Trạm nạp LPG vào xe bồn tại Dung Quất (chuyển tiếp từ năm 2017)	Tỷ đồng	0,7	-

TT	Đầu tư và mua sắm tài sản	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018
3	Sửa chữa các căn hộ tại khu tập thể đê bao sông Trà khúc	Tỷ đồng	6,0	-
Tổng cộng:			8,2	-

4.1. Khu tập thể đê bao sông Trà Khúc:

Dự án Khu tập thể đê bao sông Trà Khúc tại phường Trần Phú và phường Lê Hồng Phong đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi đồng ý chuyển đổi hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang giao đất có thu tiền sử dụng với thời hạn sử dụng lâu dài tại Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 29/12/2017. Trong tháng 9/2018, Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã tổ chức họp và thống nhất đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường xác định lại giá đất tính thu tiền sử dụng đất đối với Công ty, tạo điều kiện để Công ty khai thác tối đa hiệu quả quản lý, sử dụng khu tập thể này.

4.2. Dự án Kho chứa và Trạm nạp LPG vào xe bồn tại Dung Quất:

Dự án đang trong giai đoạn nghiên cứu đầu tư và chưa có địa điểm thuận lợi để triển khai công việc.

5. Tái cơ cấu doanh nghiệp

5.1. Đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn chứng khoán:

Tiếp tục triển khai công tác tái cơ cấu theo chỉ đạo của Tập đoàn và BSR, Công ty đã hoàn thiện hồ sơ đăng ký và được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của PV Building – Mã chứng khoán: PBT (Quyết định số 835/QĐ-SGDHN ngày 28/12/2018) trên thị trường giao dịch Upcom tại HNX.

Theo đó, ngày 18/01/2019 là ngày đăng ký giao dịch đầu tiên cổ phiếu PBT; số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch là 17.522.284 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng; giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 13.100 đồng/cổ phiếu.

5.2. Quản trị doanh nghiệp:

Xây dựng các quy chế quản lý nội bộ theo quy định đối với công ty đại chúng và công ty niêm yết.

Kiến toàn cơ cấu tổ chức Công ty phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh và các quy định về bộ máy điều hành theo quy định đối với công ty đại chúng, công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

6. Công tác nhân sự và tiền lương

- *Tình hình nhân sự:* Tổng lao động của PV Building tính đến 31/12/2018 là 330 người (chưa kể lao động thời vụ); trong đó, lao động nữ 146 người, nam 184 người:

TT	Trình độ	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
1	Trên đại học	7	2,12%

TT	Trình độ	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
2	Đại học + cao đẳng	102	30,61%
3	Trung cấp + Sơ cấp + Công nhân kỹ thuật	116	34,85%
4	Lao động phổ thông	105	32,42%
	Cộng:	330	100 %

+ Thu nhập bình quân của CBCNV năm 2018 đạt 5,338 triệu đồng/người/tháng.

+ Năng suất lao động bình quân tính theo doanh thu trừ chi phí chưa lương đạt 9,180 triệu đồng/người/tháng.

- *Đào tạo*: Thường xuyên cử CBCNV tham gia các đợt tập huấn nghiệp vụ: Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho toàn thể CBCNV Công ty; đào tạo nghiệp vụ tiền lương và chính sách pháp luật; nghiệp vụ bảo vệ; nghiệp vụ phòng chống cháy nổ và tìm kiếm cứu nạn; nghiệp vụ kế toán, chính sách thuế.... Đào tạo 491 lượt người với kinh phí thực hiện đào tạo 0,18 tỷ đồng.

7. Công tác khác

- *An toàn lao động, vệ sinh môi trường*: Công tác bảo vệ môi trường luôn được quan tâm kiểm soát chặt chẽ; Công ty đã thành lập mạng lưới an toàn viên. Công tác kiểm tra an toàn vệ sinh lao động, thiết bị PCCC được thực hiện thường xuyên và có báo cáo định kỳ hàng tuần cho Giám đốc và trưởng các phòng/bộ phận; triển khai kiểm định thiết bị yêu cầu nghiêm ngặt, quan trắc môi trường tại nơi sản xuất. Cho đến thời điểm hiện nay, không có bất kỳ sự cố nào xảy ra tại Công ty.

Ngày 03/8/2018, Công ty đã phối hợp với BSR thực tập phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại Phân xưởng sản xuất Bao bì thành công. Buổi diễn tập đã được phân tích đánh giá để rút kinh nghiệm ngay sau đó. Đại diện ban chỉ huy buổi thực tập PCCC&CNCH đã đánh giá cao công tác tổ chức, tính chuyên nghiệp cũng như sự phối hợp chặt chẽ của các lực lượng PCCC&CNCH tham gia buổi thực tập.

- *Công tác đoàn thể*: Công đoàn Công ty đã tổ chức Giải bóng đá Truyền thống PV Building hưởng ứng “Tháng công nhân” năm 2018 vào tháng 5/2018, tham gia giải “Cầu lông BSR mở rộng” và đạt thành tích Nhì Đôi nam và Nhì Đơn nam...

Công ty đã tổ chức đối thoại định kỳ với người lao động, nội dung đối thoại tập trung vào các vấn đề lương, thưởng, chế độ làm việc và các chính sách phúc lợi. Tất cả các ý kiến của NLĐ đã được ghi nhận, giải quyết và trả lời một cách đầy đủ. Việc duy trì tốt đối thoại định kỳ tại nơi làm việc trong thời gian qua đã tác động tích cực đến mọi mặt hoạt động của Công ty, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, giúp NLĐ yên tâm làm việc, gắn bó với Công ty.

- *An sinh xã hội*: Bên cạnh nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, Công ty tích cực thực hiện công tác an sinh xã hội: Ngày 07/02/2018, Công ty phối hợp với Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi cùng các đơn vị trên địa bàn tổ chức gặp gỡ và tặng



210 suất quà trị giá 147 triệu đồng cho các hộ gia đình khó khăn nhân dịp Tết Nguyên đán; Công đoàn PV Building hỗ trợ kinh phí thực hiện chương trình “điện thắp sáng đường quê” cho bà con, đồng bào KDC Gò Hân, thôn Bầu Sơn, xã Sơn Nham, huyện Sơn Hà. Ngày 28/5/2018, tại Lễ Bế giảng năm học 2017 – 2018, Công ty đã tham dự và tặng 20 suất quà cho học sinh nghèo hiếu học của ngôi trường mang tên Anh hùng, liệt sĩ Nguyễn Kim Vang, xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành, Quảng Ngãi. Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 71 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2018), thăm hỏi, động viên, tri ân những người có công với đất nước, các Mẹ Việt Nam anh hùng. Tổ chức gặp mặt hội cựu chiến binh nhân kỷ niệm 74 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam.

PHẦN 2: KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2019

Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, các công việc chuyên tiếp cũng như dự kiến những hoạt động phát sinh trong năm 2019, PV Building xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm năm 2019, cụ thể như sau:

1. Nhiệm vụ kế hoạch

Tiếp tục triển khai công tác tái cơ cấu theo chỉ đạo của Tập đoàn và BSR. Phối hợp với BSR để thực hiện công tác thoái vốn của BSR tại PV Building theo chỉ đạo của Tập đoàn;

Tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý công ty phù hợp với quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng, công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu, đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty;

Thực hiện rà soát, cập nhật và hoàn thiện hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật cho từng lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh;

Duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

1.1. Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì:

Vận hành Nhà máy sản xuất bao bì đảm bảo an toàn, ổn định, tối ưu hóa năng lực sản xuất hiện có, nâng cao hiệu quả sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, kiểm soát tốt ở tất cả các khâu trong quá trình sản xuất để trở thành nhà sản xuất bao bì có uy tín trên thị trường cả nước đối với các dòng sản phẩm hiện có.

Đẩy mạnh công tác thị trường, mở rộng đầu tư sản xuất các loại sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu khách hàng, chú trọng hơn trong công tác nghiên cứu sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cải tạo các dây chuyền sản xuất hiện có nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất ngày càng nhiều hơn, sản phẩm đa dạng hơn.

Tiết giảm chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, đơn giá khoán tiền lương từng công đoạn, bộ phận sản xuất, bộ phận quản lý.

1.2. Thương mại:

Tập trung nghiên cứu, nắm bắt thị trường để mở rộng danh mục sản phẩm kinh doanh, củng cố quan hệ hợp tác lâu dài với khách hàng chủ chốt cùng với mở rộng danh sách khách hàng tiềm năng...

Khẩn trương xúc tiến hoạt động kinh doanh LPG để góp phần nâng cao doanh thu và lợi nhuận cho công ty.

1.3. Dịch vụ hậu cần:

Tiếp tục chú trọng nâng cao chất lượng, kiểm soát chặt chẽ chi phí và có phương án tái cơ cấu các lĩnh vực kinh doanh chưa mang lại hiệu quả.

Nhanh nhạy nắm bắt thông tin và chuẩn bị các nguồn lực cần thiết để triển khai các gói thầu tại NMLD Dung Quất và các đơn vị khác.

Mở rộng thêm một số lĩnh vực dịch vụ hậu cần khác trên cơ sở tận dụng các điều kiện sẵn có của đơn vị.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu

2.1. Các chỉ tiêu tài chính, lao động, tiền lương và đầu tư:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2019
I	Chỉ tiêu tài chính		
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	185,44
2	Doanh thu	Tỷ đồng	235,03
3	Chi phí	Tỷ đồng	219,39
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15,64
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	13,92
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	7,32
II	Chỉ tiêu lao động – tiền lương		
1	Lao động bình quân	Người	375
2	Thu nhập tính theo lao động bình quân	Triệu đồng /người/tháng	5,489
III	Chỉ tiêu về đầu tư XDCB và mua sắm thiết bị		
1	Xây dựng nhà xưởng sản xuất Pallet gỗ	Tỷ đồng	5,0

2.2. Chỉ tiêu về sản lượng sản xuất kinh doanh:

TT	Lĩnh vực kinh doanh	Đvt	Kế hoạch 2019
I	Thương mại		
1	Pallet gỗ	Cái	120.000

10.4
ÔNG
Ồ PI
NH.
HƯƠI
ẬU K
T.1

TT	Lĩnh vực kinh doanh	Đvt	Kế hoạch 2019
2	Hạt nhựa PP	Tấn	1.200
II	Sản xuất kinh doanh bao bì		
1	Bao PE 3 lớp	Triệu bao	6,60
2	Bao nông sản	Triệu bao	4,32
3	Mành PP bao xi măng	Triệu bao	3,60

2.3. Kế hoạch giá thành sản phẩm:

TT	Sản phẩm	Đvt	Kế hoạch 2019
1	Bao PE 3 lớp	đồng/sản phẩm	8.598
2	Bao nông sản	đồng/sản phẩm	6.477
3	Mành PP bao xi măng	đồng/sản phẩm	2.299

2.4. Kế hoạch đào tạo:

TT	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2019
1	Thực hiện đào tạo	Lượt người	700
2	Kinh phí thực hiện đào tạo	Tỷ đồng	1,0

3. Giải pháp thực hiện kế hoạch

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống, quy trình quản trị nội bộ của công ty, nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Đối với công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh: Tăng cường kiểm soát, tiết giảm, tối ưu chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh như: rà soát, tối ưu hóa chi phí nguyên liệu, vật tư, công cụ dụng cụ, dịch vụ kỹ thuật; tiết giảm chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng; tăng cường kiểm soát trong vận hành sản xuất nhằm giảm thiểu phế phẩm...

- Đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh bao bì: Đẩy mạnh việc nghiên cứu, đầu tư mở rộng thị trường, tìm kiếm các đối tượng khách hàng mới, phát triển các dòng sản phẩm mới nhằm hạn chế ảnh hưởng của yếu tố thời vụ, duy trì hoạt động sản xuất ổn định trong năm, phát huy tối đa công suất vận hành của dây chuyền sản xuất hiện có của nhà máy (Dự kiến sẽ có thêm khách hàng như Công ty Đường Quảng Ngãi, thêm sản phẩm PE cho Công ty Millennium Furniture,...)

- Đối với các hoạt động dịch vụ, thương mại: Đẩy mạnh việc tự thực hiện các gói thầu, giảm thuê mua bên ngoài nhằm đảm bảo chất lượng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Xây dựng bộ phận tương đương cấp phòng để thực hiện công tác xây lắp, bảo dưỡng sửa chữa nội bộ và các đối tác bên ngoài.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2018 và kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm năm 2019. Ban điều hành Công ty kính mong nhận được những ý kiến đóng góp của Quý cổ đông để thực hiện thành công nhiệm vụ kế hoạch trong thời gian đến.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Các phòng/bộ phận;
- Lưu: VT, KHHĐ.

lm

GIÁM ĐỐC *lm*



Trần Đoàn Thịnh

CP/IA

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 24



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đức Hợp	Chủ tịch
Ông Trần Đoàn Thịnh	Thành viên
Bà Hà Thị Hoa	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 23 tháng 4 năm 2018)
Bà Lê Thị Xí	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 23 tháng 4 năm 2018)

Ban Giám đốc

Ông Trần Đoàn Thịnh	Giám đốc
Ông Trần Xuân Thu	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Trần Đoàn Thịnh
Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 3 năm 2019, từ trang 03 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

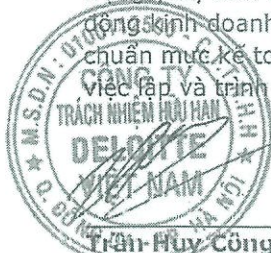
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Huy Công
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0891-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 12 tháng 3 năm 2019
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đỗ Trung Kiên
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1924-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		141.395.694.628	116.866.896.432
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	20.540.169.000	12.879.653.287
1. Tiền	111		12.437.487.550	7.776.971.837
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.102.681.450	5.102.681.450
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	2.000.000.000	2.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.000.000.000	2.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		87.126.055.072	84.864.088.134
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	77.450.956.581	84.453.382.077
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.099.854.800	102.836.220
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.080.057.937	812.684.083
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(504.814.246)	(504.814.246)
IV. Hàng tồn kho	140	9	28.247.755.512	14.593.302.008
1. Hàng tồn kho	141		28.467.276.535	15.027.059.239
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(219.521.023)	(433.757.231)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.481.715.044	2.529.853.003
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	1.454.525.697	1.994.430.868
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	2.027.189.347	535.422.135
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		107.070.808.986	123.108.792.437
I. Tài sản cố định	220		102.986.200.820	118.960.242.091
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	102.986.200.820	118.960.242.091
- Nguyên giá	222		184.653.660.311	186.984.949.072
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(81.667.459.491)	(68.024.706.981)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		93.106.000	93.106.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(93.106.000)	(93.106.000)
II. Tài sản dài hạn khác	260		4.084.608.166	4.148.550.346
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	4.084.608.166	4.148.550.346
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		248.466.503.614	239.975.688.869

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	60.198.179.901	49.354.111.055
I. Nợ ngắn hạn	310	60.198.179.901	49.354.111.055
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311 13	44.875.929.045	45.710.083.415
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	9.196.721.866	79.375.585
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 12	-	751.019.174
4. Phải trả người lao động	314	2.312.813.639	872.929.075
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	1.674.581.672	374.614.381
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320 14	-	-
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	2.138.133.679	1.566.089.425
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	188.268.323.713	190.621.577.814
I. Vốn chủ sở hữu	410 15	188.268.323.713	190.621.577.814
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	175.222.845.365	175.222.845.365
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	175.222.845.365	175.222.845.365
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	2.931.055.044	2.931.055.044
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	128.162.657	128.162.657
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.986.260.647	12.339.514.748
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	9.986.260.647	12.339.514.748
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	248.466.503.614	239.975.688.869

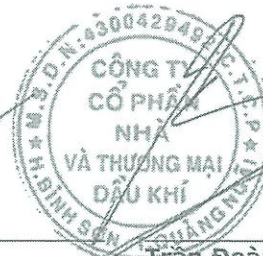


Nguyễn Tân Phát
Người lập biểu

Ngày 12 tháng 3 năm 2019



Huỳnh Việt Cường
Kế toán trưởng



Trần Đoàn Thịnh
Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh		Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	556.908.054.670	605.961.913.277
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	1.868.215	4.460.320
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		556.906.186.455	605.957.452.957
4. Giá vốn hàng bán	11	19	524.385.924.330	573.883.567.548
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		32.520.262.125	32.073.885.409
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		771.787.282	734.468.722
7. Chi phí tài chính	22		66.568.284	102.627.443
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		66.136.003	102.203.644
8. Chi phí bán hàng	25	21	2.568.035.933	3.480.152.660
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	15.786.065.840	14.399.479.468
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		14.871.379.350	14.826.094.560
11. Thu nhập khác	31		596.036.036	372.003.990
12. Chi phí khác	32		36.040.175	379.609.540
13. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40		559.995.861	(7.605.550)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		15.431.375.211	14.818.489.010
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	(1.313.691.808)	1.238.133.262
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		16.745.067.019	13.580.355.748
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	853	659

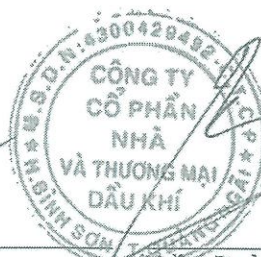


Nguyễn Tấn Phát
Người lập biểu

Ngày 12 tháng 3 năm 2019



Huỳnh Việt Cường
Kế toán trưởng



Trần Đoàn Thịnh
Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

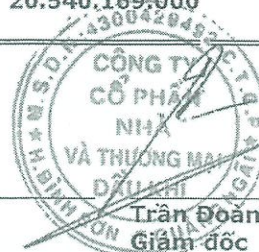
CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍKhu Đô thị mới Vạn Tường, xã Bình Trị,
Huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, CHXHCN Việt Nam**MẪU SỐ B 03-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	15.431.375.211	14.818.489.010
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	15.220.570.375	17.247.707.970
Các khoản dự phòng	03	(214.236.208)	(292.651.485)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.407.320.745)	(734.468.722)
Chi phí lãi vay	06	66.136.003	102.203.644
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	29.096.524.636	31.141.280.417
Tăng các khoản phải thu (Tăng)/giảm hàng tồn kho	09	(2.257.934.062)	(12.136.907.810)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	10	(13.440.217.296)	4.953.322.752
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	11	9.869.401.188	(13.360.240.430)
Tiền lãi vay đã trả	12	603.847.351	(480.769.681)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(66.136.003)	(102.203.644)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	15	-	(2.103.064.717)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	17	(1.794.327.746)	(1.590.502.529)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	22.011.158.068	6.320.914.358
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(38.309.091)	(1.993.004.092)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.427.272.727	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	767.795.129	744.421.394
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.156.758.765	(1.248.582.698)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	19.784.753.948	61.743.994.584
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(19.784.753.948)	(61.743.994.584)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.507.401.120)	(10.488.095.359)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(16.507.401.120)	(10.488.095.359)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	7.660.515.713	(5.415.763.699)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	12.879.653.287	18.295.416.986
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	20.540.169.000	12.879.653.287


Nguyễn Tân Phát
Người lập biểu

Huỳnh Việt Cường
Kế toán trưởngTrần Đoàn Thịnh
Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí - tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí - (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4300429492 ngày 02 tháng 4 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 08 tháng 9 năm 2017.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 328 (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 331).

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (trước đây là Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Xây dựng nhà các loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì;
- In ấn trên các sản phẩm bao bì;
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
- Điều hành tour du lịch;
- Bán buôn gạo, đồ uống;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ lương thực, đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Đại lý du lịch;
- Bán buôn chuyên doanh khác: Mua, bán bã sắn; Mua, bán tro bay; Mua, bán xỉ than;
- Quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong khu đô thị mới, khu dân cư tập trung về đường giao thông, hệ thống cấp, thoát nước, chiếu sáng công cộng;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khách sạn, nhà hàng;
- Cung cấp, quản lý các dịch vụ nhà ở cao tầng: giữ gìn vệ sinh, trật tự, dịch vụ điện, nước, trông giữ xe đạp, xe máy;
- Vận hành bảo trì thang máy, sửa chữa, duy tu, cải tạo công trình, quản lý khu công cộng trong nhà chung cư, khai thác các dịch vụ kí ốt;
- Dịch vụ vệ sinh môi trường: thu gom và vận chuyển rác thải, chất thải rắn;
- Vận hành khai thác và xử lý chế biến các chất thải đô thị;
- Quản lý chăm sóc vườn hoa thảm cỏ, công viên cây xanh, cây xanh đường phố;

- Quản lý, khai thác dịch vụ thể thao: Tennis, cầu lông, bóng bàn, bida, bể bơi nước nóng, nước lạnh, thể dục thẩm mỹ, thể hình, vui chơi mặt nước và các trò chơi khác trong công viên, sân bãi, bơi thuyền, công viên nước, câu cá giải trí;
- Khai thác dịch vụ sân bãi đỗ xe tại các đô thị;
- Đại lý xăng dầu;
- Khai thác và quản lý các dịch vụ văn phòng: cung cấp các dịch vụ bảo vệ trong các dự án đầu tư nhà ở và khu đô thị;
- Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách và hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ vận tải công cộng bằng xe buýt tại các đô thị;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);
- Mua bán hạt nhựa;
- Trang trí nội ngoại thất công trình;
- Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động và tổ chức sự kiện;

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt lại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian trích khấu hao của các tài sản cố định tại Phân xưởng sản xuất bao bì theo Biên bản họp ngày 28 tháng 8 năm 2018. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc áp dụng thời gian sử dụng hữu ích mới của tài sản sẽ phản ánh phù hợp tình hình hoạt động của Phân xưởng sản xuất bao bì. Ảnh hưởng của thay đổi thời gian khấu hao được trình bày ở Thuyết minh số 11.

Các tài sản cố định hữu hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm nay</u> (Số năm)	<u>Năm trước</u> (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc khác		
- Phân xưởng sản xuất bao bì	23,3	18
- Khác	5 - 20	5-18
Máy móc, thiết bị		
- Phân xưởng sản xuất bao bì	20	9 - 10
- Khác	5 - 10	5 - 10
Phương tiện, vận tải	6 - 10	6 - 10
Thiết bị quản lý	5 - 10	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành lại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và thuế suất 10% tính trên thu nhập chịu thuế của dự án Nhà máy Sản xuất Bao bì Polypropylene trong thời hạn 15 năm kể từ ngày dự án đầu tư bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Năm 2018 là năm thứ 4 Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp.

20
G
E
M
T
N

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	393.321.625	374.607.541
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.044.165.925	7.402.364.296
Các khoản tương đương tiền (i)	8.102.681.450	5.102.681.450
	<u>20.540.169.000</u>	<u>12.879.653.287</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền gửi có kỳ hạn	<u>2.000.000.000</u>	<u>2.000.000.000</u>	<u>2.000.000.000</u>	<u>2.000.000.000</u>
	<u>2.000.000.000</u>	<u>2.000.000.000</u>	<u>2.000.000.000</u>	<u>2.000.000.000</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Dung Quất. Khoản tiền gửi này có kỳ hạn gốc 12 tháng kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2018 với lãi suất 6,5%/năm.

16/12/2018

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần nhựa OPEC	276.697.249	48.617.166.471
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (*)	52.973.669.940	12.186.849.407
Các khoản phải thu khách hàng khác	24.700.589.392	23.649.366.199
	77.450.956.581	84.453.382.077
Trong đó		
- Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 24)	53.003.669.940	12.705.042.007

(*) Trước ngày 01 tháng 7 năm 2018, Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn có tên là Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi tiền gửi dự thu	75.425.286	71.392.410
Tạm ứng cho cán bộ, công nhân viên	67.646.150	35.000.000
Phải thu khác	936.986.501	706.291.673
	1.080.057.937	812.684.083

8. NỢ XẤU

Đối tượng	Số cuối năm VND			Số đầu năm VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn (tháng)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn (tháng)
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	169.784.400		66	169.784.400		54
Tổng Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Dầu khí	335.029.846	-	66	335.029.846	-	54
	504.814.246	-		504.814.246	-	

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc các khoản nợ phải thu trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	20.680.592.147	(10.113.000)	10.099.515.854	(10.113.000)
Công cụ, dụng cụ	2.208.742.334	-	1.252.492.406	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.091.242.106	-	1.440.714.025	-
Thành phẩm	2.716.419.988	(209.408.023)	2.122.003.468	(423.644.231)
Hàng hoá	1.770.279.960	-	112.333.486	-
	28.467.276.535	(219.521.023)	15.027.059.239	(433.757.231)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho thành phẩm Mạnh Nhật Trang để gia công các sản phẩm khác, số tiền là 214.236.208 VND.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Chi phí công cụ, dụng cụ ngắn hạn	750.377.475	726.192.883
- Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa	345.171.817	346.069.925
- Chi phí thuê văn phòng	-	249.299.927
- Chi phí mua bảo hiểm, khám sức khỏe cho nhân viên	202.402.987	234.010.275
- Khác	156.573.418	438.857.858
	1.454.525.697	1.994.430.868
b. Dài hạn		
- Chi phí công cụ, dụng cụ dài hạn	1.916.978.543	1.979.585.686
- Chi phí bảo hiểm xe ô tô	214.155.392	853.365.178
- Khác	1.953.474.231	1.315.599.482
	4.084.608.166	4.148.550.346

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

1.1. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	85.006.348.330	72.082.868.042	29.801.778.154	93.954.546	186.984.949.072
Tăng trong năm	-	38.309.091	-	-	38.309.091
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.333.688.761)	-	(2.333.688.761)
Giảm khác	-	-	-	(35.909.091)	(35.909.091)
Số dư cuối năm	85.006.348.330	72.121.177.133	27.468.089.393	58.045.455	184.653.660.311
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	25.357.905.292	32.539.588.030	10.106.324.511	20.889.148	68.024.706.981
Khấu hao trong năm	5.606.089.524	6.526.199.463	3.070.687.450	17.593.938	15.220.570.375
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.558.433.601)	-	(1.558.433.601)
Giảm khác	-	-	-	(19.384.264)	(19.384.264)
Số dư cuối năm	30.963.994.816	39.065.787.493	11.618.578.360	19.098.822	81.667.459.491
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	59.648.443.038	39.543.280.012	19.695.453.643	73.065.398	118.960.242.091
Tại ngày cuối năm	54.042.353.514	33.055.389.640	15.849.511.033	38.946.633	102.986.200.820

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 7.817.718.825 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 3.211.294.966 VND).

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, Ban Giám đốc đã thay đổi thời gian trích khấu hao của các tài sản cố định tại Phân xưởng sản xuất bao bì theo Biên bản họp ngày 28 tháng 8 năm 2018. Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc áp dụng thời gian sử dụng hữu ích mới của tài sản sẽ phản ánh phù hợp tình hình hoạt động của Phân xưởng sản xuất bao bì. Việc thay đổi như trên làm cho chi phí khấu hao của năm 2018 giảm 1,7 tỷ VND so với chi phí khấu hao trong trường hợp không thay đổi thời gian trích khấu hao của các tài sản này.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp /thu trong năm	Số đã thực nộp /thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	744.214.828	6.489.707.897	7.409.789.156	(175.866.431)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(535.422.135)	(1.313.691.808)	-	(1.849.113.943)
Thuế thu nhập cá nhân	6.804.346	102.757.844	111.771.163	(2.208.973)
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	215.597.039	5.281.773.933	7.524.560.319	(2.027.189.347)
Trong đó				
<i>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</i>	535.422.135			2.027.189.347
<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>	751.019.174			-

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (*)	33.353.137.809	33.353.137.809	33.196.216.041	33.196.216.041
Phải trả cho các đối tượng khác	11.522.791.236	11.522.791.236	12.513.867.374	12.513.867.374
	44.875.929.045	44.875.929.045	45.710.083.415	45.710.083.415
Trong đó				
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 24)	34.134.069.379	34.134.069.379	38.757.715.879	38.757.715.879

(*) Trước ngày 01 tháng 7 năm 2018, Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn có tên là Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Dung Quất	-	-	12.859.862.619	12.859.862.619	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	-	6.924.891.329	6.924.891.329	-	-
	-	-	19.784.753.948	19.784.753.948	-	-

Trong năm 2018, các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại nhằm mục đích thanh toán tiền mua hạt nhựa, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	VND		VND		VND	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	175.222.845.365	2.931.055.044	128.162.657	11.322.614.123	189.604.677.189	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	13.580.355.748	13.580.355.748	
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2016	-	-	-	(607.030.764)	(607.030.764)	
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017	-	-	-	(1.240.841.000)	(1.240.841.000)	
Trích Quỹ thưởng ban điều hành từ lợi nhuận năm 2016	-	-	-	(227.488.000)	(227.488.000)	
Chia cổ tức năm 2016	-	-	-	(10.488.095.359)	(10.488.095.359)	
Số dư đầu năm nay	175.222.845.365	2.931.055.044	128.162.657	12.339.514.748	190.621.577.814	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	16.745.067.019	16.745.067.019	
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017 (*)	-	-	-	(566.372.000)	(566.372.000)	
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2018 (*)	-	-	-	(1.800.000.000)	(1.800.000.000)	
Trích Quỹ thưởng ban điều hành từ lợi nhuận năm 2017 (*)	-	-	-	(224.548.000)	(224.548.000)	
Chia cổ tức năm 2017 (*)	-	-	-	(11.548.594.748)	(11.548.594.748)	
Tạm chia cổ tức 06 tháng đầu năm 2018 (**)	-	-	-	(4.958.806.372)	(4.958.806.372)	
Số dư cuối năm nay	175.222.845.365	2.931.055.044	128.162.657	9.986.260.647	188.268.323.713	

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-PVBLD ngày 23 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017: 1.807.213.000 VND (Công ty đã tạm trích trong năm 2017 số tiền 1.240.841.000 VND nên trích bổ sung trong năm nay là 566.372.000 VND); tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2018: 1.800.000.000 VND;

- Trích Quỹ thưởng ban điều hành: 224.548.000 VND;

- Chia cổ tức: 11.548.594.748 VND (đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã chi trả hết cổ tức cho các cổ đông).

(**): Theo Quyết định số 05/QĐ-HĐQT-PVBLD ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng Quản trị về việc phê duyệt phương án tạm chia cổ tức 6 tháng đầu năm 2018 cho các cổ đông số tiền là 4.958.806.372 VND.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.522.284	17.522.284
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>17.522.284</i>	<i>17.522.284</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.522.284	17.522.284
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>17.522.284</i>	<i>17.522.284</i>

Cổ phiếu phổ thông mệnh giá 10.000 VND/ cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 19 ngày 08 tháng 9 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty là 175.222.840.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	VND	(%)	VND	(%)
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (*)	145.892.845.365	83,26	145.892.845.365	83,26
Khách sạn Cẩm Thành	5.500.000.000	3,14	5.500.000.000	3,14
Các cổ đông khác	23.830.000.000	13,60	23.830.000.000	13,60
	175.222.845.365	100	175.222.845.365	100

(*) Trước ngày 01 tháng 7 năm 2018, Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn có tên là Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn.

16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ	468,72	483

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Trong năm, Công ty chỉ thực hiện kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất bao bì và các lĩnh vực khác (kinh doanh hạt nhựa, khí hóa lỏng, cho thuê nhà, dịch vụ quản lý nhà...) và trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có bộ phận khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Báo cáo bộ phận được lập cho mục đích quản trị doanh nghiệp. Công ty không theo dõi riêng tài sản, nợ phải trả bộ phận. Công ty theo dõi doanh thu, chi phí và kết quả của từng bộ phận như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chi tiêu	Sản xuất bao bì	Thương mại và dịch vụ khác	Tổng
	VND	VND	VND
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	103.142.893.327	453.763.293.128	556.906.186.455
2. Giá vốn hàng bán	83.111.603.446	441.274.320.884	524.385.924.330
3. Chi phí bán hàng	1.747.092.102	820.943.831	2.568.035.933
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.895.915.442	11.890.150.398	15.786.065.840
5. Doanh thu hoạt động tài chính	-	771.787.282	771.787.282
6. Chi phí tài chính	-	66.568.284	66.568.284
7. Thu nhập khác	-	596.036.036	596.036.036
8. Chi phí khác	-	36.040.175	36.040.175
9. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	14.388.282.337	1.043.092.874	15.431.375.211

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chi tiêu	Sản xuất bao bì	Thương mại và dịch vụ khác	Tổng
	VND	VND	VND
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	97.128.656.024	508.828.796.933	605.957.452.957
2. Giá vốn hàng bán	81.494.549.820	492.389.017.728	573.883.567.548
3. Chi phí bán hàng	557.853.663	2.922.298.997	3.480.152.660
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.308.175.289	12.091.304.179	14.399.479.468
5. Doanh thu hoạt động tài chính	-	734.468.722	734.468.722
6. Chi phí tài chính	-	102.627.443	102.627.443
7. Thu nhập khác	-	372.003.990	372.003.990
8. Chi phí khác	-	379.609.540	379.609.540
9. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	12.768.077.252	2.050.411.758	14.818.489.010

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hạt nhựa	328.293.271.023	298.088.007.921
Doanh thu bán Pallet	48.823.816.000	34.782.000.000
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	25.283.565.403	26.984.064.607
Doanh thu dịch vụ quản lý nhà và cho thuê nhà	19.251.906.980	26.262.139.940
Doanh thu dịch vụ nhà hàng	1.065.173.655	3.845.175.915
Doanh thu sản phẩm Nhà máy Bao bì	103.144.761.542	97.133.116.344
Doanh thu kinh doanh khí hóa lỏng LPG	-	75.836.228.056
Doanh thu dịch vụ khác	31.045.560.067	43.031.180.494
	556.908.054.670	605.961.913.277
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết trình bày ở thuyết minh số 24)	179.375.719.417	179.798.411.685
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	1.868.215	4.460.320
	1.868.215	4.460.320

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hạt nhựa	325.913.555.054	295.830.229.849
Giá vốn bán Pallet	47.653.490.358	33.938.181.822
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	21.945.564.926	22.510.056.618
Giá vốn dịch vụ quản lý nhà và cho thuê nhà	16.069.268.737	23.800.137.350
Giá vốn dịch vụ nhà hàng	1.010.340.490	2.535.450.171
Giá vốn sản phẩm Nhà máy Bao bì	83.111.603.446	81.494.549.820
Giá vốn kinh doanh khí hóa lỏng LPG	-	74.997.874.142
Giá vốn dịch vụ khác	28.682.101.319	38.777.087.776
	524.385.924.330	573.883.567.548

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	88.506.503.202	72.557.538.506
Chi phí nhân công	36.938.296.940	34.737.731.301
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.220.570.375	17.496.133.121
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.105.369.458	54.600.054.423
Chi phí khác bằng tiền	2.872.818.959	1.123.560.024
	181.643.558.934	180.515.017.375

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	7.819.190.015	7.072.669.771
Chi phí công cụ, dụng cụ và các khoản phân bổ	342.941.613	307.451.430
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.691.009.936	1.872.956.033
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.302.060.209	4.562.216.264
Chi phí khác bằng tiền	1.630.864.067	584.185.970
	15.786.065.840	14.399.479.468
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	1.291.621.104	1.228.418.369
Chi phí công cụ, dụng cụ và các khoản phân bổ	4.919.001	6.361.680
Chi phí khấu hao tài sản cố định		44.157.239
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.193.540.658	2.131.092.336
Chi phí khác bằng tiền	77.955.170	70.123.036
	2.568.035.933	3.480.152.660

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	15.431.375.211	14.818.489.010
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	1.355.078.838	885.152.479
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	16.786.454.049	15.703.641.489
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%</i>	2.441.660.932	3.019.674.586
<i>Thu nhập chịu thuế suất ưu đãi 10%</i>	14.344.793.117	12.683.966.903
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.922.811.498	1.872.331.608
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (*)	(717.239.656)	(634.198.346)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được hoàn (**)	(2.519.263.650)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	(1.313.691.808)	1.238.133.262

(*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay đổi lần thứ hai ngày 04 tháng 01 năm 2016, Công ty được thừa kế và hưởng các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với dự án cho thời gian còn lại của dự án Nhà máy sản xuất bao bì Polypropylene. Dự án được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời hạn 15 năm kể từ ngày dự án đầu tư bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

(**) Theo Quyết định số 960/QĐ-CT của Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi ngày 12 tháng 6 năm 2018, Công ty được hoàn số thuế thu nhập doanh nghiệp đã đóng của dự án Nhà máy sản xuất bao bì với số tiền là 2.519.263.650 VND.

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	16.745.067.019	13.580.355.748
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(1.800.000.000)	(1.807.213.000)
Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành	-	(224.548.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	14.945.067.019	11.548.594.748
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.522.284	17.522.284
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	853	659

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích dựa trên Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-PVBLD ngày 23 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2017.

Đồng thời, Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bằng số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2017 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt ngày 23 tháng 4 năm 2018. Theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày lại như sau:

	Số trình bày trên báo cáo năm trước	Số trình bày lại	Chênh lệch
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	704	659	45

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (*)	Công ty mẹ
Khách sạn Cẩm Thành	Cổ đồng
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	Cùng Công ty mẹ
Các đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Trong cùng Tập đoàn

(*) Trước ngày 01 tháng 7 năm 2018, Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn có tên là Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn.

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bán hàng, cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Lọc hóa Dầu Bình Sơn	178.873.658.821	177.740.900.935
Ban Quản lý Dự án Nâng cấp Mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	-	1.236.015.278
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	406.060.596	409.090.905
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	-	185.241.522
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Trung	96.000.000	180.000.000
Trường Cao đẳng Nghề Dầu khí	-	45.454.545
Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung	-	1.708.500
	179.375.719.417	179.798.411.685
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	358.747.185.786	313.459.419.281
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Trung	-	74.997.278.642
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOil Miền Trung	2.433.058.858	2.244.189.656
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	2.403.334.727	2.498.933.273
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	304.551.067	-
	363.888.130.438	393.199.820.852

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	2.133.270.490	1.799.930.832
	2.133.270.490	1.799.930.832

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	52.973.669.940	12.186.849.407
Ban Quản lý Dự án Nâng cấp Mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	-	438.192.600
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	30.000.000	80.000.000
	53.003.669.940	12.705.042.007
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	33.353.137.809	33.196.216.041
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu Khí Miền Trung	194.931.570	212.036.320
Khách sạn Cẩm Thành	366.000.000	366.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	220.000.000	220.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Trung	-	4.763.463.518
	34.134.069.379	38.757.715.879
Phải thu khác		
Ban Quản lý Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	169.784.400	169.784.400
Tổng Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Dầu khí	335.029.846	335.029.846
	504.814.246	504.814.246

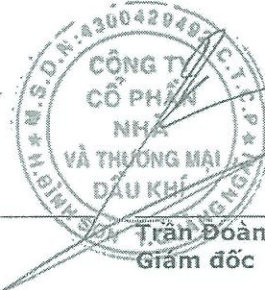


Nguyễn Tân Phát
Người lập biểu

Ngày 12 tháng 3 năm 2019



Huỳnh Việt Cường
Kế toán trưởng



Trần Đoàn Thịnh
Giám đốc





**CÔNG TY CỔ PHẦN
CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

Số: 01/BC-BKS-PVBLD

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/NQ-PVBLD ngày 23/4/2018,
- Căn cứ Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Căn cứ Kết quả kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2018,

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (sau đây viết tắt là Ban kiểm soát) trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 những nội dung sau:

I. HOẠT ĐỘNG, THÙ LAO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

1. Hoạt động của Ban kiểm soát

1.1. Nhân sự Ban kiểm soát

Thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-PVBLD ngày 23/4/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, các thành viên Ban kiểm soát đã tiến hành cuộc họp bầu Trưởng ban kiểm soát. Kể từ ngày 03/5/2018, thành viên Ban kiểm soát gồm có:

- | | |
|----------------------------|-------------------------------------|
| + Bà Đỗ Thị Phương Thúy | Trưởng ban, thành viên chuyên trách |
| + Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo | Thành viên kiêm nhiệm |
| + Bà Phạm Thị Hồng Hạnh | Thành viên kiêm nhiệm. |

1.2. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018

Trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát đã xây dựng kế hoạch kiểm soát năm 2018, đồng thời phân giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát cũng như phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty trong công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty. Cụ thể:

- Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, công tác quản lý của Ban điều hành Công ty.
- Tham dự đầy đủ và tham gia ý kiến trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

- Xem xét tính phù hợp và đưa ra các góp ý cụ thể trong quá trình xây dựng, rà soát sửa đổi các quy chế, quy trình nội bộ cũng như trong công tác lập kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Thực hiện các đợt kiểm tra trực tiếp, soát xét định kỳ về hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác tại Công ty.

- Xem xét, kiểm tra hồ sơ pháp lý, chứng từ kế toán; thông qua kiểm toán độc lập, thẩm định Báo cáo tài chính bán niên, Báo cáo tài chính năm.

- Giám sát việc thực hiện nghĩa vụ của Công ty đối với người lao động, tình hình nộp ngân sách nhà nước, nghĩa vụ của công ty đại chúng về công bố thông tin.

Đánh giá chung: các thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, làm việc chủ động và có trách nhiệm, cơ bản đã hoàn thành các công việc được giao.

2. Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát trong năm 2018 được thực hiện theo phương án của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua và phù hợp với các quy định hiện hành. Tổng thu nhập trong năm 2018 của Ban kiểm soát là: 338.239.969 đồng, trong đó: thu nhập của Trưởng ban kiểm soát là 205.929.135 đồng, của thành viên Ban kiểm soát là 66.155.417 đồng/người.

II. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH, GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2018

1. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018

Trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2018 do Ban Giám đốc lập và Ý kiến của Kiểm toán độc lập (*Báo cáo kiểm toán đính kèm*), Ban kiểm soát cho rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả kinh doanh năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2018	So với KH 2018		So với TH 2017	
				Kế hoạch năm 2018	% KH 2018	Thực hiện năm 2017	% TH 2017
1	Sản lượng tiêu thụ						
	<i>Bao nông sản</i>	<i>Triệu bao</i>	3,80	4,32	88%	3,60	106%
	<i>Bao PE 3 lớp</i>	<i>Triệu bao</i>	7,11	6,60	108%	5,48	130%
	<i>Bao xi măng</i>	<i>Triệu bao</i>	4,25	0,36	1181%	6,19	69%
	<i>Hạt nhựa Polypropylene</i>	<i>Tấn</i>	11.355	14.400	79%	11.383	100%
	<i>Pallet gỗ</i>	<i>Cái</i>	140.218	120.000	117%	102.000	137%
2	lồng doanh thu, thu nhập	Tỷ đồng	558,27	573,22	97%	607,06	92%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	542,84	558,21	97%	592,25	92%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15,43	15,02	103%	14,82	104%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	16,75	12,01	139%	13,58	123%
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	7,52	8,73	86%	10,68	70%

Tình hình sản xuất kinh doanh của PV Building trong năm gặp nhiều khó khăn do sự cạnh tranh ngày càng lớn của các đơn vị cùng ngành, sản lượng tiêu thụ đối với dòng bao nông sản và hạt nhựa Polypropylene không đạt kế hoạch làm ảnh hưởng đến việc hoàn thành chỉ tiêu tổng doanh thu của Công ty.

Tổng kết năm 2018, tổng doanh thu của PV Building đạt 558,27 tỷ đồng, đạt 92% cùng kỳ năm trước và đạt 97% kế hoạch năm. Tổng chi phí của PV Building đạt 542,84 tỷ đồng, đạt 92% cùng kỳ năm trước và đạt 97% kế hoạch năm, tỷ lệ giảm chi phí tương ứng với tỷ lệ giảm doanh thu.

Với sự nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban điều hành cùng với cán bộ công nhân viên Công ty, kết quả về lợi nhuận trước thuế năm 2018 đạt 15,43 tỷ đồng, vượt 3% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế đạt 16,75 tỷ đồng, vượt 23% cùng kỳ năm trước và vượt 39% kế hoạch năm. Tỷ lệ vượt của lợi nhuận sau thuế khá cao do trong năm Công ty được hoàn số thuế thu nhập doanh nghiệp đã đóng của dự án Nhà máy sản xuất bao bì với số tiền hơn 2,5 tỷ đồng theo Quyết định số 960/QĐ-CT ngày 12/6/2018 của Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi.

3. Kết quả giám sát tình hình tài chính năm 2018

3.1 Tình hình tài sản, nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2018

Dvt: đồng

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ tại 31/12/2018	Số cuối kỳ tại 31/12/2017	Tăng/Giảm		Tỷ trọng
			Số tiền	Tỷ lệ	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	141.395.694.628	116.866.896.432	24.528.798.196	21%	57%
I. Tiền và các khoản TĐ tiền	20.540.169.000	12.879.653.287	7.660.515.713	59%	8%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	1%
III. Các khoản phải thu NH	87.126.055.072	84.864.088.134	2.261.966.938	3%	35%
IV. Hàng tồn kho	28.247.755.512	14.593.302.008	13.654.453.504	94%	11%
V. Tài sản ngắn hạn khác	3.481.715.044	2.529.853.003	951.862.041	38%	1%
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	107.070.808.986	123.108.792.437	-16.037.983.451	-13%	43%
I. Tài sản cố định	102.986.200.820	118.960.242.091	-15.974.041.271	-13%	41%
II. Tài sản dài hạn khác	4.084.608.166	4.148.550.346	-63.942.180	-2%	2%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	248.466.503.614	239.975.688.869	8.490.814.745	4%	100%
C. NỢ PHẢI TRẢ	60.198.179.901	49.354.111.055	10.844.068.846	22%	24%
I. Nợ ngắn hạn	60.198.179.901	49.354.111.055	10.844.068.846	22%	24%
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	188.268.323.713	190.621.577.814	-2.353.254.101	-1%	76%
I. Vốn chủ sở hữu	188.268.323.713	190.621.577.814	-2.353.254.101	-1%	76%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	248.466.503.614	239.975.688.869	8.490.814.745	4%	100%

Tổng tài sản (tổng nguồn vốn) của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 là 248,47 tỷ đồng, tăng 8,49 tỷ đồng (tương đương tăng 4%) so với đầu năm.

Kết cấu tài sản gồm Tài sản ngắn hạn chiếm 57% và tài sản dài hạn chiếm 43%. So với đầu năm, Tài sản ngắn hạn tăng 24,53 tỷ đồng, chủ yếu tăng các khoản tiền, tương đương tiền và hàng tồn kho; Tài sản dài hạn giảm 16,04 tỷ đồng, chủ yếu do tăng giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định hữu hình. Trong năm, Công ty điều chỉnh giãn thời gian khấu hao của một số tài sản cố định thuộc Phân xưởng bao bì dẫn đến chi phí khấu hao giảm tương ứng 1,7 tỷ đồng/năm.

Kết cấu nguồn vốn gồm Nợ phải trả (ngắn hạn) chiếm 24% và Vốn chủ sở hữu chiếm 76%. So với đầu năm, Nợ phải trả tăng 10,84 tỷ đồng, chủ yếu tăng khoản ứng trước tiền mua hàng của Khách hàng; Vốn chủ sở hữu giảm 2,35 tỷ đồng, giảm ở chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối do trong năm Công ty đã tạm phân phối cổ tức 6 tháng cho các cổ đông và tạm trích vào Quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền lần lượt là 4,96 tỷ đồng và 1,8 tỷ đồng.

3.2. Đánh giá tình hình tài chính qua các chỉ số tài chính

Nội dung	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016
* Hệ số thanh toán hiện hành (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	2,35	2,37	1,85
Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,24	0,21	0,25
Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,32	0,26	0,33
* Vòng quay tài sản (DT thuần/Tổng TS bình quân)	2,32	2,46	2,5
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/HTK bình quân)	24,48	33,91	34,74
Vòng quay các khoản phải thu (DT có thuế/ Tổng phải thu BQ)	7,12	8,39	8,55
* Doanh lợi tiêu thụ (LNST/Doanh thu thuần)	3,01%	2,24%	1,99%
Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA = LNST/Tổng TS bình quân)	6,86%	5,51%	4,71%
Tỷ suất thu hồi vốn đầu tư (ROE = LNST/Vốn CSH bình quân)	8,84%	7,14%	6,66%
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn Điều lệ	9,56%	7,75%	7,18%

✓ *Đánh giá về khả năng thanh toán và an toàn tài chính:*

Hệ số thanh toán hiện hành tại thời điểm 31/12/2018 là 2,35 (lớn hơn 1) thể hiện Công ty đảm bảo đủ khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Hệ số Nợ phải trả/Tổng Tài sản, Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu đều nhỏ hơn 0,5 cho thấy khả năng thanh toán nợ phải trả của Công ty khá tốt, Công ty không gặp khó khăn về tài chính.

✓ *Đánh giá về khả năng khai thác sử dụng vốn kinh doanh:*

Tốc độ quay của tài sản, hàng tồn kho và các khoản phải thu đang có xu hướng giảm, do vậy Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty cần có giải pháp để đẩy nhanh vòng quay tài sản, đặc biệt là đẩy nhanh tốc độ quay của hàng tồn kho và công nợ phải thu nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của Công ty.

✓ *Đánh giá về khả năng sinh lời:*

Năm 2018, Công ty được hoàn số thuế thu nhập doanh nghiệp đã đóng trong năm 2015 và năm 2016 đối với dự án Nhà máy sản xuất bao bì đã làm cho chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế tăng cao, dẫn đến các chỉ tiêu về khả năng sinh lời đều tăng so với hai năm gần đây.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trên cơ sở thay đổi về nhân sự trong Hội đồng quản trị được thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-PVBLD ngày 23/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, Chủ tịch Hội đồng quản trị đã phân giao các nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và xây dựng chương trình làm việc năm 2018.

Trong năm, Hội đồng quản trị đã tiến hành các cuộc họp định kỳ và bất thường. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị có số lượng thành viên tham dự đầy đủ, thông báo mời họp kèm theo các tài liệu đều được gửi trước cho các thành viên. Trong mỗi cuộc họp, tất cả các thành viên đều tích cực tham gia thảo luận, trao đổi ý kiến. Nội dung thống nhất tại cuộc họp đều được kết luận bằng văn bản làm căn cứ triển khai thực hiện.

Ban kiểm soát cho rằng các văn bản mà Hội đồng quản trị ban hành không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế tại Công ty và không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các cổ đông. Hội đồng quản trị đã tuân thủ theo các quy định tại Điều lệ Công ty và triển khai có hiệu quả các mục tiêu kế hoạch, đảm bảo định hướng phát triển của Công ty.

2. Hoạt động của Ban điều hành và Cán bộ quản lý

Ban điều hành và Cán bộ quản lý đã thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn của mình theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, luôn chủ động và tích cực thực hiện các phương án nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, đảm bảo an toàn vốn kinh doanh.

Ban điều hành cùng với Cán bộ quản lý đã phát huy tốt vai trò của mình trong công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, luôn bám sát các mục tiêu kế hoạch và nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ được giao.

IV. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG.

Việc phối hợp cũng như trao đổi thông tin giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban điều hành được duy trì thường xuyên thông qua hình thức trao đổi trực tiếp, thư điện tử và văn bản.

Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát tại Công ty. Sau mỗi đợt kiểm soát, Ban kiểm soát đều đưa ra các kiến nghị cụ thể, những kiến nghị của Ban kiểm soát đã được các bộ phận liên quan triển khai thực hiện.

Trong năm 2018, không có văn bản nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi về Ban kiểm soát để yêu cầu kiểm tra các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các mặt hoạt động của Công ty.

V. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019

Trên cơ sở các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát Công ty kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2019 như sau:

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong công tác quản trị và điều hành Công ty của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty.

2. Thẩm định Báo cáo tài chính định kỳ theo quy định, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý.

3. Xem xét tính hợp lý của các văn bản quản lý nội bộ của Công ty.

4. Tập trung kiểm soát chuyên đề nhằm cảnh báo các rủi ro, tham gia đóng góp ý kiến với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty.

5. Tiếp tục bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của các thành viên Ban kiểm soát.

Trên đây là báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Thành viên: HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Đỗ Thị Phương Thúy



Số: 01/TTr-HĐQT-PVBLD

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 3 năm 2019

TỜ TRÌNH

**Về việc xin phê duyệt quỹ lương cán bộ quản lý, thù lao kiêm nhiệm
và phân chia lợi nhuận sau thuế**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty PV Building năm 2019.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2018;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch 2019;

Hội đồng quản trị kính trình và xin ý kiến phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2019 một số nội dung sau:

1. Quỹ lương thực hiện cán bộ quản lý và thù lao kiêm nhiệm năm 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Khoản mục	KH	Thực hiện	Ghi chú
1	Lương CBQL	1.651,727	1.974,497	Tăng quỹ lương do tăng thành viên HĐQT chuyên trách, giảm quỹ thù lao do giảm thành viên HĐQT kiêm nhiệm
2	Thù lao kiêm nhiệm	258,047	158,773	

2. Kế hoạch quỹ lương cán bộ quản lý và thù lao kiêm nhiệm năm 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Khoản mục	Số lượng	Kế hoạch	Ghi chú
1	Lương CBQL	6	2.147,173	
2	Thù lao kiêm nhiệm	2	139,771	

3. Phương án phân chia lợi nhuận sau thuế của năm 2018

ĐVT: VNĐ

Lợi nhuận sau thuế	16.745.067.019
1. Trích lập Quỹ Khen thưởng - Phúc lợi (1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người lao động)	3.050.688.141
2. Thưởng hoàn thành nhiệm vụ (1,5 tháng lương, thù lao BQ thực hiện của CBQL)	266.658.750

3. Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ và thưởng hoàn thành nhiệm vụ (chia cổ tức cho các cổ đông)	13.427.720.128
Công ty TNHH MTV Lọc - Hóa dầu Bình Sơn: 83,26%	11.179.919.779
Nhà khách Cẩm Thành: 3,14%	421.630.412
Nhóm cổ đông cá nhân: 13,6%	1.826.169.937

Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ: 7,663%

4. Kế hoạch phân chia lợi nhuận sau thuế của năm 2019

	ĐVT: Triệu đồng
Lợi nhuận sau thuế	13.920,000
1. Trích lập Quỹ Khen thưởng - Phúc lợi (01 tháng lương bình quân thực hiện của người lao động)	2.058,197
2. Thưởng hoàn thành nhiệm vụ (1,5 tháng lương thực hiện bình quân của CBQL)	285,868
3. Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập được sử dụng để chia cổ tức cho các cổ đông theo tỷ lệ vốn góp	11.575,935

* Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ: 6,606%

Hội đồng quản trị Công ty kính trình và xin ý kiến Đại hội!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên: HDQT, BKS,
- Lưu VT, Thư ký.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Đức Hợp





PHỤ LỤC: GIẢI TRÌNH
XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG/THÙ LAO THỰC HIỆN NĂM 2018

I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	
			Kế hoạch	Thực hiện
1	2	3	4	5
I	CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH			
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	573.222	558.274
2	Tổng chi phí (chưa lương)	Triệu đồng	534.023	518.334
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	15.020	15.431
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	12.016	16.745
5	Tổng các khoản phải nộp ngân sách	Triệu đồng	8.732	7.520
II	CHỈ TIÊU LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG			
1	Lao động kế hoạch/cuối kỳ	Người	403	397
2	Lao động thường xuyên thực tế sử dụng bình quân	Người	338	328
3	Lao động thực tế sử dụng bình quân (bao gồm thời vụ)	Người	x	381
4	Mức lương bình quân theo hợp đồng lao động	Trđ/th	5,20	5,20
5	Năng suất lao động BQ theo tổng DT trừ chi phí chưa lương (chưa bao gồm thời vụ)	Trđ/th	9,620	10,147
6	Năng suất lao động BQ theo tổng DT trừ chi phí chưa lương bao gồm thời vụ	Trđ/th	X	9,180
7	Tiền lương BQ	Triệu đồng	5,447	x
8	Quỹ tiền lương NLĐ (không bao gồm thời vụ)	Triệu đồng	22.094,582	x
III	LƯƠNG CBQL CHUYÊN TRÁCH			
1	Số viên chức quản lý chuyên trách (tính bình quân)	Người	5	5,67
2	Mức lương cơ bản bình quân (Công ty xác định)	Tr.đ/th	27,53	x
3	Mức tăng (giảm) tiền lương theo tăng (giảm) lợi nhuận	%	1,36	2,74
4	Quỹ tiền lương CBQL chuyên trách	Tr.đồng	1.651,727	x



IV THÙ LAO CBQL KHÔNG CHUYÊN TRÁCH				
1	Số CB hưởng thù lao kiêm nhiệm (tính bình quân)	Người	4	2,33
2	Tỷ lệ thù lao bình quân so với tiền lương	%	20	20
3	Mức tiền lương bình quân	Tr.đ/th	26,88	x
4	Quỹ thù lao	Tr.đồng	258,047	x

II. QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2018

Theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 53/2016/NĐ-CP;

Với kết quả sản xuất kinh doanh nêu trên, Công ty xác định tiền lương bình quân thực hiện năm 2018 của NLĐ thường xuyên như sau:

$$TL_{bqth2018} = TL_{bqkh2018} + TL_{ns}$$

Trong đó:

$TL_{bqkh2018}$: Tiền lương kế hoạch năm 2018 = 5.447.400 đồng/tháng

TL_{ns} : Khoản tiền lương tăng theo suất lao động bình quân, được xác định theo công thức:

$$TL_{ln} = TL_{bqkh2018} \times \left(\frac{W_{th2018}}{W_{kh2018}} - 1 \right) \times 0,795$$

$$TL_{ns} = 5.447.400 \times \left(\frac{10,147}{9,62} - 1 \right) \times 0,795 \approx 237.423 \text{ đồng}$$

Tiền lương bình quân thực hiện năm 2018 của NLĐ thường xuyên:

$$TL_{bqth2018} = TL_{bqkh2018} + TL_{ns}$$

$$TL_{bqth2018} = 5.447.400 + 237.423 \approx 5.684.823 \text{ đồng}$$

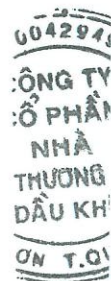
Quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 của NLĐ thường xuyên:

$$\Rightarrow V_{th2018} = (TL_{bqth2018} \times LDBQ \times 12 \text{ tháng}) - (5.684.823 \times 328 \times 12) \approx 22.375.464.049 \text{ đồng}$$

Quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 của lao động thời vụ: 2.030.040.887 đồng

Tổng Quỹ lương thực hiện năm 2018 của NLĐ toàn Công ty:

$$\approx 22.375.464.049 + 2.030.040.887 \approx 24.405.504.936 \text{ đồng}$$



II. QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN CBQL CHUYÊN TRÁCH VÀ THÙ LAO THỰC HIỆN KIÊM NHIỆM NĂM 2018:

Theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Điều 6, Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ,

Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh và lợi nhuận thực hiện vượt 2,74% so với lợi nhuận kế hoạch, theo đó mức tiền lương bình quân thực hiện của cán bộ quản lý chuyên trách công ty được tính thêm tối đa là 5,48% so với mức tiền lương bình quân kế hoạch 2018, cụ thể như sau:

1. Quỹ tiền lương thực hiện của cán bộ quản lý chuyên trách năm 2018

Số CBQL chuyên trách bình quân thực hiện năm 2018:

$$\frac{(5*12 + 1*8)}{12} \approx 5,67 \text{ (người)}$$

Công ty chọn mức tăng tiền lương theo mức tăng lợi nhuận là: 5,48%.

Mức lương BQ kế hoạch = 27.528.783 đồng

Mức lương BQ thực hiện = Mức lương BQ kế hoạch x (1 + 5,48%)

Mức lương thực hiện bình quân năm 2018:

$\approx 27.528.783 \times (1+5,48\%) \approx 29.036.727$ đồng/ tháng

Quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 của CBQL chuyên trách:

$= 29.036.727 * 5,67 * 12 \approx 1.974.497.000$ đồng

2. Tiền thù lao kiêm nhiệm

- Số CB hưởng thù lao kiêm nhiệm bình quân năm 2018:

$$\frac{(1*4 + 2*12)}{12} \approx 2,33 \text{ (người)}$$

Mức lương BQ kế hoạch = 26.879.896 đồng

Mức lương BQ thực hiện = Mức lương BQ kế hoạch x (1 + 5,48%)

Mức lương thực hiện bình quân năm 2018

$\approx 26.879.896 \times (1+5,48\%) \approx 28.352.296$ đồng/ tháng

Tỷ lệ thù lao so với tiền lương: 20%

Quỹ tiền thù lao thực hiện năm 2018 của CBQL không chuyên trách:

$= 28.352.296 * 2,33 * 20\% * 12 \approx 158.773.000$ đồng

Trên đây là phần giải trình về việc lao động tiền lương, thù lao thực hiện năm 2018 của Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí.

Trân trọng!



PHỤ LỤC: GIẢI TRÌNH
XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG/THÙ LAO KẾ HOẠCH NĂM 2019



A. MỘT SỐ CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019
1	2	3	4	5
I	CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH			
3	Tổng doanh thu	Triệu đồng	558.274	235.030
3	Tổng chi phí (chưa có lương)	Triệu đồng	516.034	192.404
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	15.431	15.640
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	16.745	13.920
6	Tổng các khoản phải nộp ngân sách	Triệu đồng	7.520	7.320
II	TIỀN LƯƠNG			
1	Lao động kế hoạch/cuối kỳ	Người	395	390
2	Lao động thực tế sử dụng bình quân	Người	381	375
3	Mức lương bình quân theo hợp đồng lao động	Trđ/th	5,20	5,30
4	Năng suất lao động BQ theo tổng DT trừ chi phí chưa lương	Trđ/th	9,180	9,472
5	Mức tiền lương bình quân thực hiện NLĐ	Trđ/th	5,338	x
6	Mức tiền lương bình quân thực hiện CBQL	Trđ/th	29,037	x
7	Mức tiền lương bình quân thực hiện làm cơ sở tính thù lao CBQL	Trđ/th	28,352	x

B. XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG/THÙ LAO KẾ HOẠCH NĂM 2019

I. QUỸ TIỀN LƯƠNG KẾ HOẠCH CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Theo quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính Phủ;

Với kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 nêu trên, Công ty xác định tiền lương bình quân và Quỹ lương kế hoạch của người lao động năm 2019 như sau:

Tiền lương bình quân kế hoạch năm 2019 được tính theo công thức

$$TL_{bqkh2019} = TL_{bqth2018} + TL_{ns} + TL_{ln}$$

Trong đó:

$TL_{bqth2018}$: Tiền lương bình quân thực hiện năm 2018 = 5.338.037 đồng/tháng

TL_{ns} : Khoản tiền lương tăng theo năng suất lao động bình quân, được xác định theo công thức:

$$TL_{ns} = TL_{bqth2018} \times \left(\frac{W_{kh2019}}{W_{th2018}} - 1 \right) \times 0,8$$

$$\Rightarrow TL_{ns} = 5.338.037 \times \left(\frac{9.472}{9.180} - 1 \right) \times 0,8 \approx 136.055,9 \text{ (đồng)}$$

TL_{ln} : Khoản tiền lương tăng theo lợi nhuận, được xác định theo công thức:

$$TL_{ln} = TL_{bqth2018} \times \left(\frac{P_{kh2019}}{P_{th2018}} - 1 \right) \times 0,2$$

$$\Rightarrow TL_{ln} = 5.338.037 \times \left(\frac{15.020}{14.818} - 1 \right) \times 0,2 \approx 14.433,5 \text{ (đồng)}$$

Tiền lương bình quân kế hoạch năm 2019 là:

$$TL_{bqkh2019} \approx 5.338.037 + 136.055,9 + 14.433,5 \approx 5.488.526 \text{ (đồng)}$$

Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động năm 2019:

$$V_{kh2019} = TL_{bqkh2019} \times L\text{ĐBQ} \times 12\text{tháng}$$

$$= 5.488.526 \times 375 \times 12 \approx 24.698,368 \text{ (triệu đồng)}$$

II. TIỀN LƯƠNG KẾ HOẠCH CBQL VÀ THÙ LAO KIÊM NHIỆM KẾ HOẠCH NĂM 2019

Theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Điều 6, Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ,

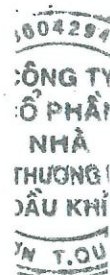
Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và lợi nhuận kế hoạch vượt 1,352% so với thực hiện năm 2018, do đó Công ty xác định mức tiền lương bình quân kế hoạch của cán bộ quản lý chuyên trách và mức thù lao kiêm nhiệm kế hoạch của cán bộ quản lý không chuyên trách năm 2019 được tính thêm là 2,704% so với mức tiền lương bình quân thực hiện năm 2018, cụ thể như sau:

1. Quỹ tiền lương kế hoạch của cán bộ quản lý chuyên trách năm 2019:

Số cán bộ chuyên trách KH: 06 người.

Mức lương BQ thực hiện = Mức lương BQ thực hiện năm 2018 \times (1 + 2,704%)

$$\approx 29.036.727 \times (1 + 2,704\%) \approx 29.821.853 \text{ (đồng)}.$$



Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2019 của CBQL chuyên trách:

$\approx 29.821.853 \times 6 \times 12 \approx 2.147,173$ (triệu đồng).

2. Tiền thù lao kiêm nhiệm

Số cán bộ không chuyên trách KH: 02 người.

Mức lương BQ Kế hoạch = Mức lương BQ thực hiện năm 2018 x (1 + 2,704%)

$\approx 28.352.296 \times (1 + 2,704\%) \approx 29.118.915$ (đồng)

Tỷ lệ thù lao so với tiền lương: 20%

Tiền thù kế hoạch hiện năm 2019 của CBQL không chuyên trách:

$\approx 29.118.915 \times 2 \times 12 \times 20\% \approx 139,771$ (triệu đồng).

Trên đây là phần giải trình về việc lao động tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2019 của Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí.

Trân trọng!

